

# LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

21

THÀNH LẬP NHÀ TRẦN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



*Chủ biên*  
**TRẦN BẠCH ĐĂNG**  
*Biên soạn*  
**TÔN NỮ QUỲNH TRẦN**  
*Họa sĩ*  
**NGUYỄN ĐỨC HÒA**



# **LỊCH SỬ VIỆT NAM**

---

## **BẰNG TRANH**

**TẬP 21: THÀNH LẬP NHÀ TRẦN**

Tái bản lần thứ 9

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện  
Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Văn Đoàn - Lâm Chí Trung  
Biên tập hình ảnh: Lương Trọng Phúc

---

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM  
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Thành lập nhà Trần / Trần Bạch Đằng chủ biên ; họa sĩ Nguyễn Đức Hòa. - Tái bản lần  
thứ 9. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

112 tr. : minh họa ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.21).

1. Việt Nam — Lịch sử — Sách tranh. 2. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Trần, 1225-  
1400 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam — History — Pictorial works. 2. Vietnam — History — Trần dynasty, 1225-  
1400 — Pictorial works.

959.7024 — dc 22  
T367

## LỜI GIỚI THIỆU

*Khi nhà Lý suy yếu, nhà Trần với sự phù trợ của Trần Thủ Độ đã thực hiện cuộc chuyển giao quyền lực ít đổ máu nhất trong lịch sử nước ta từ nhà Lý sang nhà Trần. Nhà Trần bắt đầu khi vua Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, cũng chính là vua Trần Thái Tông – vị vua đầu tiên của nhà Trần và chấm dứt hoàn toàn vai trò của triều Lý trong lịch sử nước ta vào năm 1225.*

*Ở buổi đầu thành lập nhà Trần, không thể nào không nhắc đến vai trò của Thái sư Trần Thủ Độ. Tuy không đỗ đạt khoa cử, ông đã giúp nhà Trần bình phục được giặc giã trong nước, giúp cho Đại Việt bấy giờ được cường thịnh trở lại sau hồi suy yếu cuối thời Lý, và tạo nền tảng về sức lực và tinh thần trong cuộc xâm lược của quân Mông Cổ, bảo vệ sự tồn vong của cả một dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị san bằng. Dầu có cả công và tội, dầu tội to hay công lớn, nhưng lịch sử vẫn mãi lưu danh ông là một bậc đại thần luôn hết lòng tận trung, vì dân vì nước.*

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 21 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Thành lập nhà Trần”** phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Đức Hòa thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 21 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

Sử nước ta đã chép về đức độ Thái sư Trần Thủ Độ như sau:

*“Thái Tông thường có ý muốn cho anh Thủ Độ là An Quốc làm Tể tướng. Thủ Độ từ chối nói rằng: “An Quốc là anh tôi, nếu bề hạ thấy là người hiền tài, thì tôi xin từ chức để nhường cho anh tôi, nếu bề hạ thấy không phải là người hiền tài thì không nên dùng, chứ nếu cả hai anh em cùng làm tướng, thì đối với thiên hạ còn ra thế nào?”. Do đó Thái Tông mới bỏ đi ý nghĩ đó.”*

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục  
chính biên, quyển VII)

Vào cuối triều Lý, Đại Việt gặp cảnh rối ren. Trong nước thì loạn lạc bởi vua Lý Huệ Tông thường xuyên đau yếu và tính tình lại nhu nhược nên không trông coi việc triều chính. Bên ngoài, các nước Chiêm Thành, Chân Lạp hay đem quân sang quấy nhiễu. Còn ở phương bắc, đế quốc Mông Cổ đang trở nên lớn mạnh và bành trướng khắp từ Âu sang Á, trở thành nguy cơ cho các nước ở phương nam trong đó có nước Tống (Trung Quốc), Đại Lý (Vân Nam) và Đại Việt.

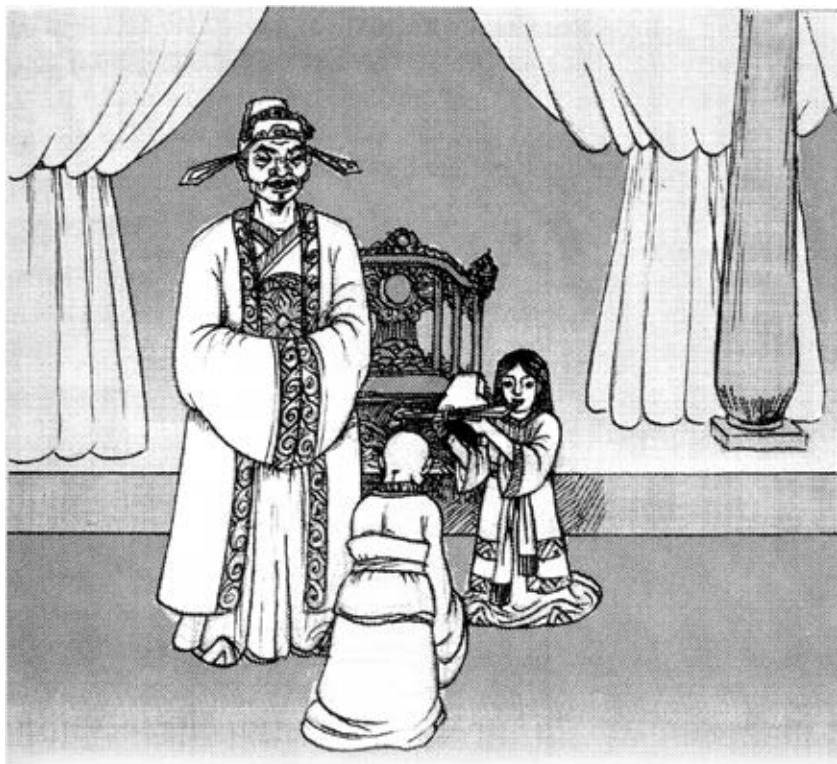


Lúc này, họ Trần đã nắm giữ mọi chức vụ trọng yếu trong triều<sup>(\*)</sup>. Đến năm 1224, vua Lý Huệ Tông đi tu, nhường ngôi lại cho người con gái mới bảy tuổi là Lý Phật Kim. Đó là Lý Chiêu Hoàng, vua cuối cùng của nhà Lý.

---

*\* Xem Nhà Lý suy vong.*





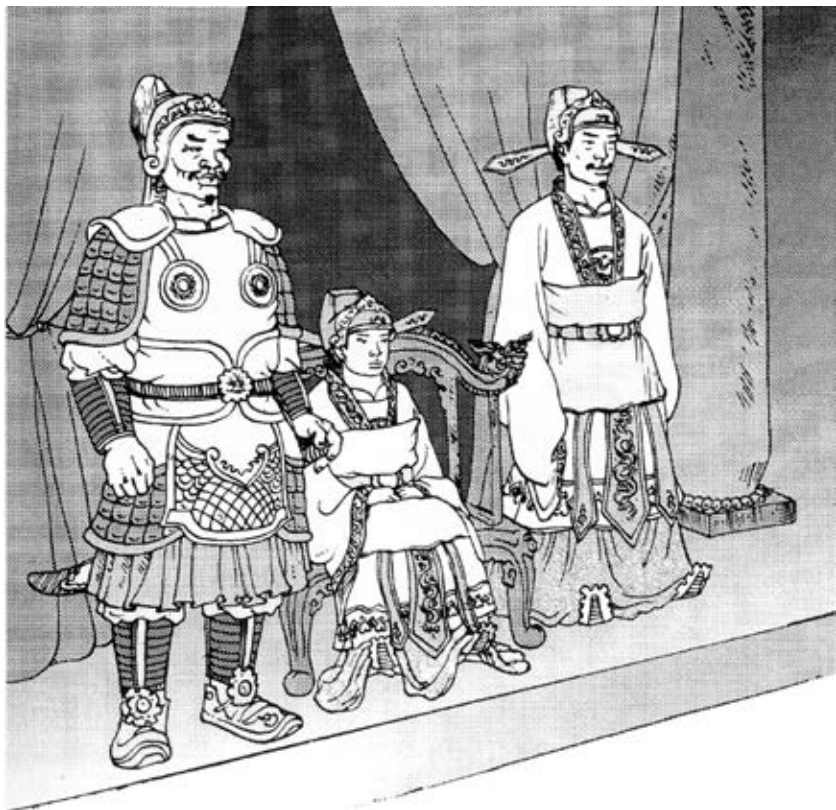
Quan Điện tiền Chỉ huy sứ là Trần Thủ Độ xếp đặt cho Lý Chiêu Hoàng lấy cháu ruột của mình là Trần Cảnh lúc đó cũng vừa bảy tuổi. Năm sau, Trần Thủ Độ dàn cảnh để Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi lại cho chồng (1225). Như vậy, triều Lý chấm dứt với 9 đời vua trị vì (kể cả Lý Chiêu Hoàng), kéo dài 216 năm.

---

\* Trước đó đã gả chị của Chiêu Hoàng là Thuận Thiên cho anh của Trần Cảnh là Trần Liễu.

Trần Cảnh lên làm vua tức Trần Thái Tông. Chiêu Hoàng được phong làm Hoàng hậu, gọi là Chiêu Thánh. Còn Trần Thủ Độ lên làm Thái sư. Vua Trần Thái Tông sinh năm 1218 và mất vào năm 1277. Sử cũ chép rằng nhà vua rất khôi ngô, mũi cao, nét uy nghi, dáng đường bệ. Tư chất vua lại thông minh và tính tình thì gan dạ.





Dù là vua đầu tiên của một triều đại, nhưng Trần Cảnh không có miếu hiệu là Thái Tổ mà là Thái Tông. Lý do vì cha ruột của vua là Trần Thừa vẫn còn sống và làm quan trong triều với chức Phụ quốc Thái úy. Sau khi Trần Cảnh lên làm vua, Trần Thừa được tôn làm Thượng hoàng. Vì vua Trần chỉ mới tám tuổi nên không thể định đoạt được chính sự. Bởi vậy, mọi quyền hành đều nằm trong tay Trần Thừa và nhất là Thái sư Trần Thủ Độ.

Thượng hoàng Trần Thừa có quyền quyết định đối với những việc lớn của đất nước. Ông có cung riêng, được gọi là cung Phụng Thiên. Vai trò chủ yếu của ông trong triều đình là giúp đỡ vua trẻ trong việc triều chính, còn Trần Thủ Độ lo việc dẹp yên các cuộc nổi loạn đang xảy ra ở nhiều nơi trong nước.





Theo truyền thuyết, Thượng hoàng Trần Thừa lúc nhỏ sống trong cảnh hàn vi, thường hay đến các đình trạm<sup>(\*)</sup> để ngủ. Một hôm, Trần Thừa mơ thấy một nhà sư đến bảo rằng: “*Người trẻ tuổi này ngày sau phải đại quý*”. Tỉnh dậy thì không thấy ai cả. Bây giờ được ở ngôi cao sang, Trần Thừa nhớ lại giấc mộng cũ, bèn xuống chiếu ra lệnh cho tất cả các đình trạm đều phải đúc tượng Phật mà thờ.

---

<sup>\*</sup> Thuở ấy, nước Đại Việt có rất nhiều đình trạm để cho người đi đường trú mưa, trú nắng.

Trần Thừa nhiếp chính cho vua Trần Thái Tông được 9 năm thì mất (1234), chỉ còn Trần Thủ Độ quyết đoán mọi việc cho đến khi vua trưởng thành. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại rằng: “*Trần Thủ Độ tuy không có học vấn nhưng tài lược hơn người*”. Ông đã củng cố thế lực nhà Trần bằng những biện pháp cứng rắn.



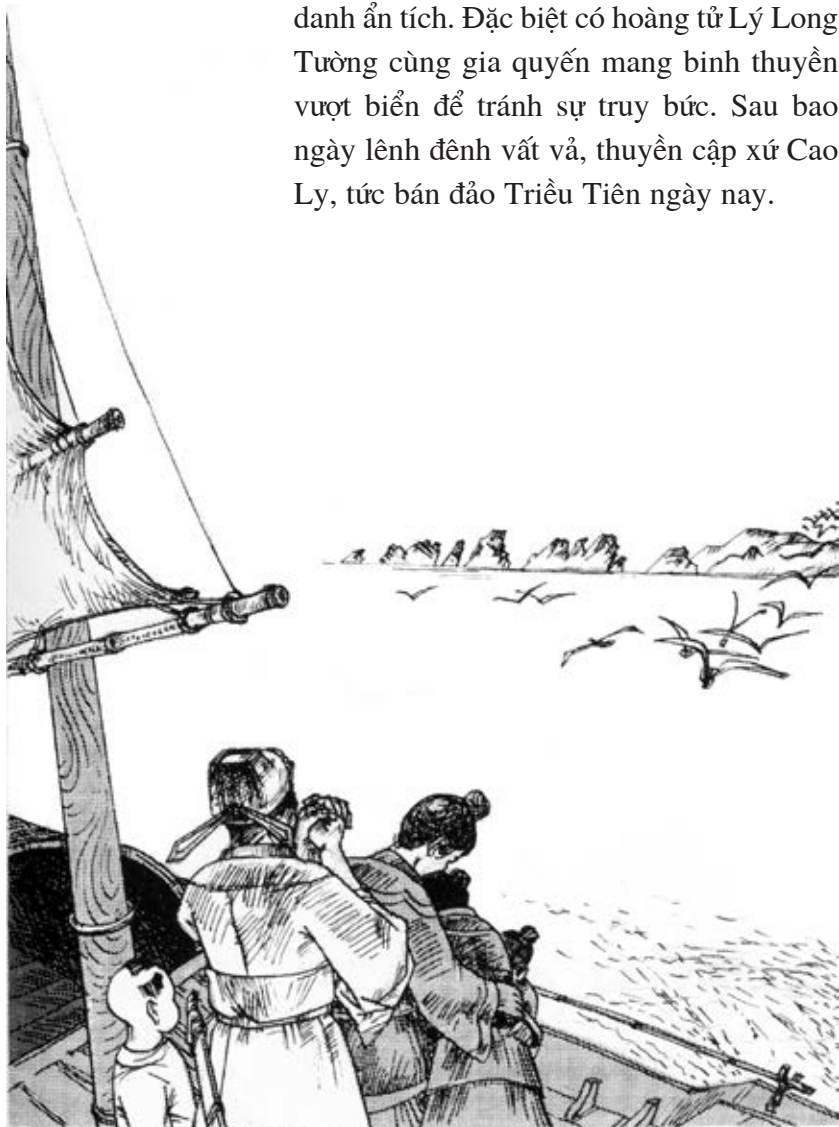
Trước hết, Trần Thủ Độ tìm mọi cách để loại bỏ ảnh hưởng của nhà Lý. Tuy rằng nhà Trần đã nắm ngôi báu nhưng trong dân chúng vẫn còn kẻ nhớ tiếc triều cũ. Vì thế, khi Lý Huệ Tông rời chùa, lang thang ra chợ, có nhiều người ra đón gặp và khóc thương.



Trần Thủ Độ chứng kiến được cảnh đó nên ép Lý Huệ Tông vào tu ở chùa Chân Giáo nằm sâu trong vòng hoàng cung, nhằm tách biệt vua cũ với dân chúng. Ít lâu sau, Thủ Độ lại bức ông phải tự tử. Hoàng hậu vua Lý là Trần Thị Dung bị giáng làm Thiên Cực Công chúa (sau trở thành vợ Trần Thủ Độ, được phong là Linh Từ Quốc mẫu).



Các tướng lĩnh trung thành với nhà Lý cũng bị Trần Thủ Độ tìm cách tiêu diệt. Số trốn thoát thì thay tên đổi họ, sống mai danh ẩn tích. Đặc biệt có hoàng tử Lý Long Tường cùng gia quyến mang binh thuyền vượt biển để tránh sự truy bức. Sau bao ngày lênh đênh vất vả, thuyền cập xứ Cao Ly, tức bán đảo Triều Tiên ngày nay.



Ngoài ra, để không còn ai mang họ Lý nữa, Trần Thủ Độ lấy có Lý là tên của ông Trần Lý, tổ phụ họ Trần và là ông nội của vua Trần Thái Tông, nên người nào mang họ Lý, dù không phải là thân thích của triều cũ, cũng phải đổi thành họ Nguyễn để tránh phạm húy.



Tuy vậy, Trần Thủ Độ là người rất có công trong việc dẹp loạn và chấn hưng đất nước. Bây giờ, một số thế lực ở các địa phương nổi lên cát cứ, đặc biệt có Đoàn Thượng ở Hồng Châu (Hải Dương) và Nguyễn Nộn ở Bắc Giang là nguy hiểm nhất. Thủ Độ điều động quân lính đi đánh dẹp. Thấy hai thế lực này còn mạnh, ông thay đổi chiến lược, không dùng quân sự để đàn áp mà thực hiện chính sách chiêu dụ và chia rẽ.



Trần Thủ Độ xin vua phong Nộn làm Hoài Đạo vương, cho cai quản một số huyện ở Bắc Giang. Đồng thời, cũng phong vương cho Thượng và định ngày làm lễ thề. Tuy thế, vào ngày định ước, Thượng không đến dự lại còn xây thành đắp lũy, đào hào, bắt dân làm lính, tự mình làm chủ một cõi ở Hồng Châu, không chịu phục tùng ai.



Nguyễn Nộn thấy thế đem quân đến đánh, giết chết Đoàn Thượng thu nạp hết quân lính, của cải. Cả vùng Hồng châu bị cướp bóc, tàn phá. Con của Thượng không thể chống đỡ, phải quy hàng. Từ đấy thanh thế của Nguyễn Nộn ngày càng hùng mạnh. Trước tình thế ấy, Thái sư Trần Thủ Độ hết sức lo lắng.



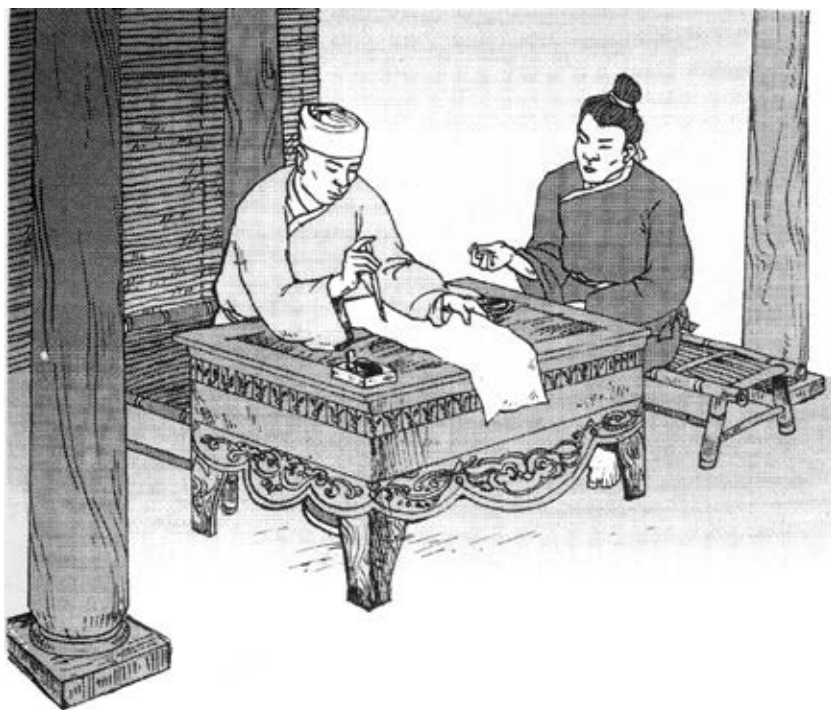


Lấy cớ Nguyễn Nộn chiến thắng được Đoàn Thượng, Trần Thủ Độ cho người mang thư đến mừng, lại đem Công chúa Ngoạn Thiềm gả cho Nộn với mục đích dùng nàng để dò la tình hình. Dường như biết được ý định ấy, Nguyễn Nộn sai lính dựng cho công chúa một cung riêng biệt để ở. Vì thế Ngoạn Thiềm cũng không nghe ngóng được chuyện gì.

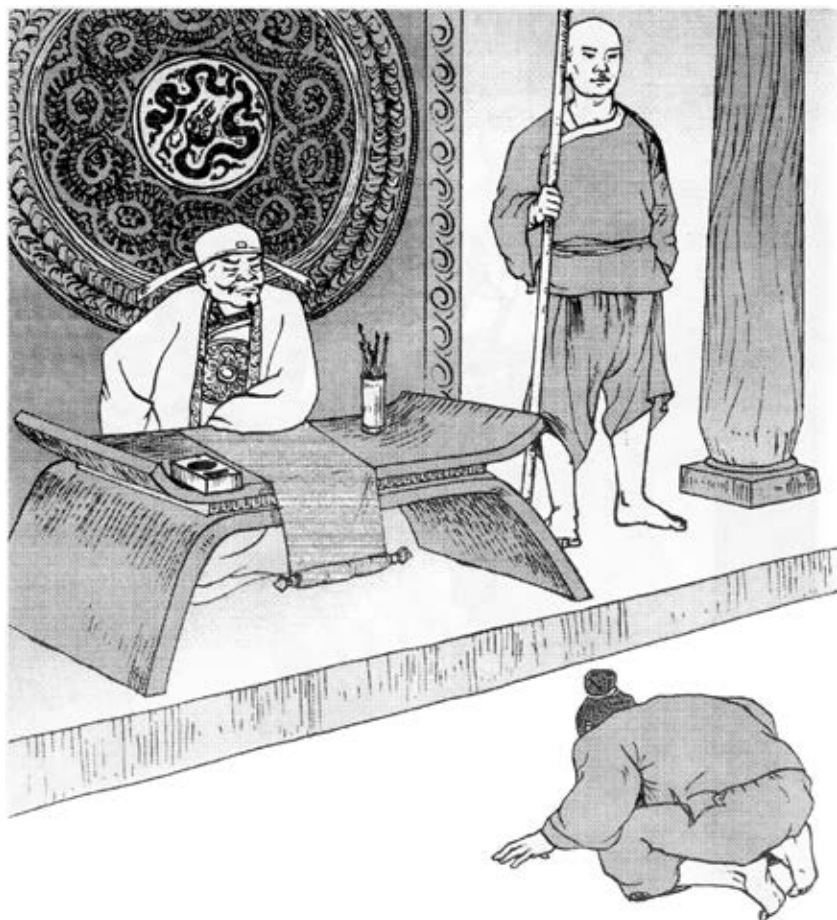


Đắc thắng, Nguyễn Nộn tự xưng là Đại Thắng vương và sa vào tử sắc. Tuy thế, Nộn cũng biết là phải phục tùng nhà Trần nên xin hẹn ngày vào chầu vua Thái Tông, không may hôm ấy lại lâm bệnh nặng, không thể vào được. Trần Thủ Độ cho người đến viếng thăm. Nguyễn Nộn giấu bệnh, cố gượng dậy ăn cơm và phi ngựa trước mặt sứ giả để tỏ ra mình vẫn khỏe mạnh, nhưng mấy ngày sau thì mất.





Từ đấy trong nước hết loạn lạc. Trần Thủ Độ rảnh tay xây dựng cơ đồ và tỏ ra là người công bằng, thao lược. Để kiểm soát hộ khẩu trong nước, ông đặt ra lệ ghi chép danh sách dân gian tại các thôn xã vào sổ. Sử cũ ghi rằng, trong một lần duyệt hộ khẩu, bà Linh Từ, vợ của Trần Thủ Độ, muốn xin cho người quen của mình làm một chức trong xã. Ông bèn ghi tên họ, quê quán của người ấy và cho gọi đến.



Khi người quen của bà Linh Từ hôn hờ đến trình diện, Trần Thủ Độ bảo: “Người vì có công chúa (tức bà Linh Từ) xin cho làm *Câu đương*<sup>(\*)</sup>, thế thì không thể xem người như những *Câu đương* khác. Do đó, phải chặt một ngón chân của người để phân biệt”. Người ấy hoảng hồn, van xin không nhận chức để khỏi bị chặt ngón chân. Từ đó, không ai dám nhờ ông can thiệp cho việc riêng tư nữa.

---

\* Một chức ở trong xã.

Thái sư Trần Thủ Độ còn là người đề cao trật tự, pháp luật trong nước và chính ông rất gương mẫu thực hiện. Có lần bà Linh Từ ngồi kiệu định đi qua chỗ cấm thì bị một người quân hiệu<sup>(\*)</sup> chặn lại. Rất tức giận nhưng không làm gì được, bà đành phải về nhà than vãn với chồng: “Mụ này làm vợ ông mà bọn quân hiệu lại dám khinh nhờn như thế ư?”.

---

\* Người lính có nhiệm vụ bảo vệ trật tự.



Trần Thủ Độ lập tức sai quân đi bắt người quân hiệu ấy. Cầm chắc cái chết trong tay, nhưng trước mặt Thái sư, người quân hiệu vẫn cứ theo sự thực mà kể lại. Nghe xong, Trần Thủ Độ không những không trừng phạt mà còn khen: *“Người ở chức thấp mà biết giữ phép nước như thế, ta còn trách gì nữa”*. Nói đoạn, ông đem vàng bạc ra thưởng cho anh ta.



Việc làm của Trần Thủ Độ khiến nhiều người nể phục, vì thế luật lệ, phép tắc trong triều được tuân thủ nghiêm túc. Nhưng cũng có người thấy quyền lực của Thái sư quá lớn nên lo lắng tâu với vua Trần Thái Tông: “*Nay bệ hạ đang tuổi nhỏ mà Trần Thủ Độ lại chuyên quyền, thì việc xã tắc tính thế nào?*”.



Nghe vua nói lại, Trần Thủ Độ chẳng hề bất bình. Ông tâu: *“Kẻ kia nói vậy mà đúng. Thật là có chuyện chuyên quyền. Trong đám quan lại, chỉ có người này là ngay thẳng, bạo dạn, dám nói thật. Vậy muốn cho triều đại thịnh vượng thì phải khuyến khích người nói thật”*. Rồi ông xin phép vua đem lụa và tiền thưởng cho người này.



Nhưng đôi khi, vì quyền lợi của dòng họ, Trần Thủ Độ cũng có những việc làm thái quá. Đó là vào năm Đinh Dậu (1237), vua Thái Tông đã 20 tuổi mà Hoàng hậu vẫn chưa sinh nở. Việc không con đe dọa đến sự bền vững của ngai vàng. Bởi vậy, Trần Thủ Độ ép vua phải phế Chiêu Thánh, rước vợ của Trần Liễu là Thuận Thiên khi ấy đã có mang ba tháng, về lập làm Hoàng hậu để cho vua có người nối dõi.

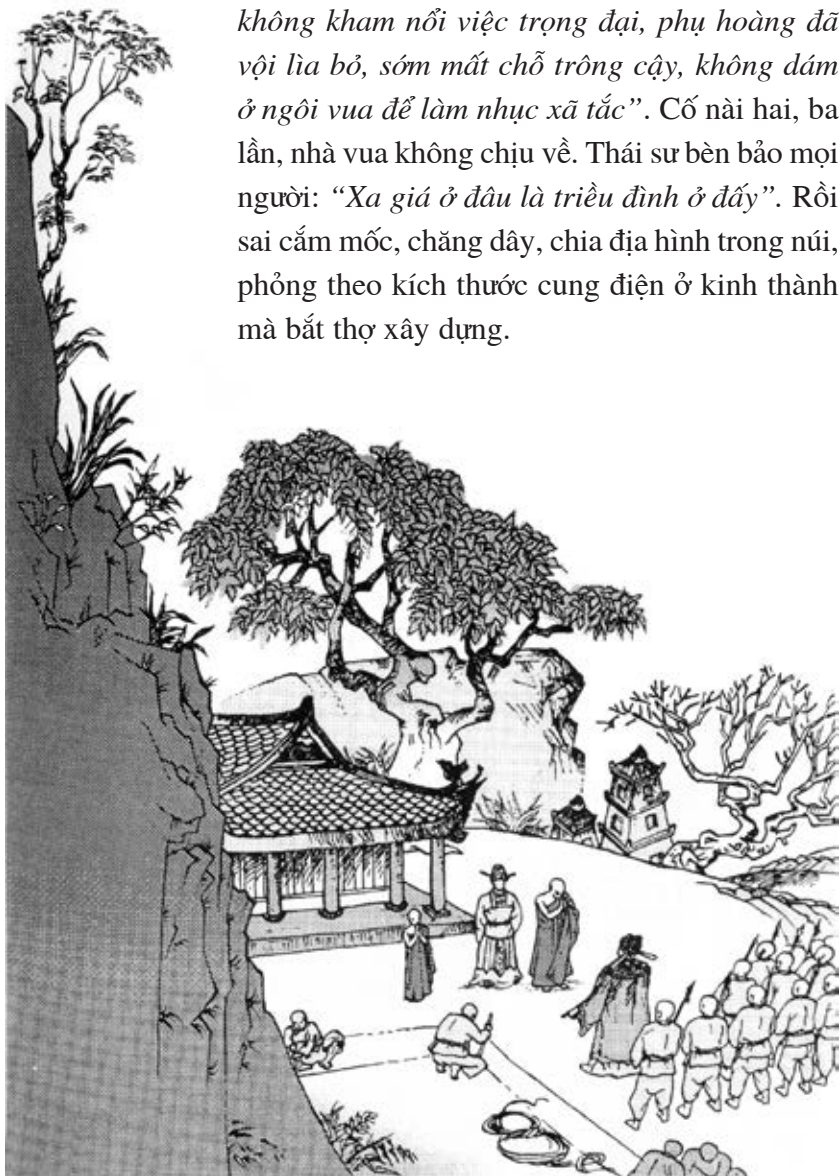




Trần Liễu bèn tụ tập quân lính nổi loạn ở sông Cái (sông Hồng) còn vua thì bất bình, đang đêm một mình một ngựa lẻ trốn khỏi thành nhằm núi Yên Tử mà đến. Khi tới Phả Lại, con ngựa đuối sức, nhà vua liền bỏ ngựa, đi bộ. Mấy ngày sau mới lên được chùa Phù Vân trên núi Yên Tử. Sư trụ trì chùa vốn là bạn cũ của nhà vua, nên ngài ở lại đấy.

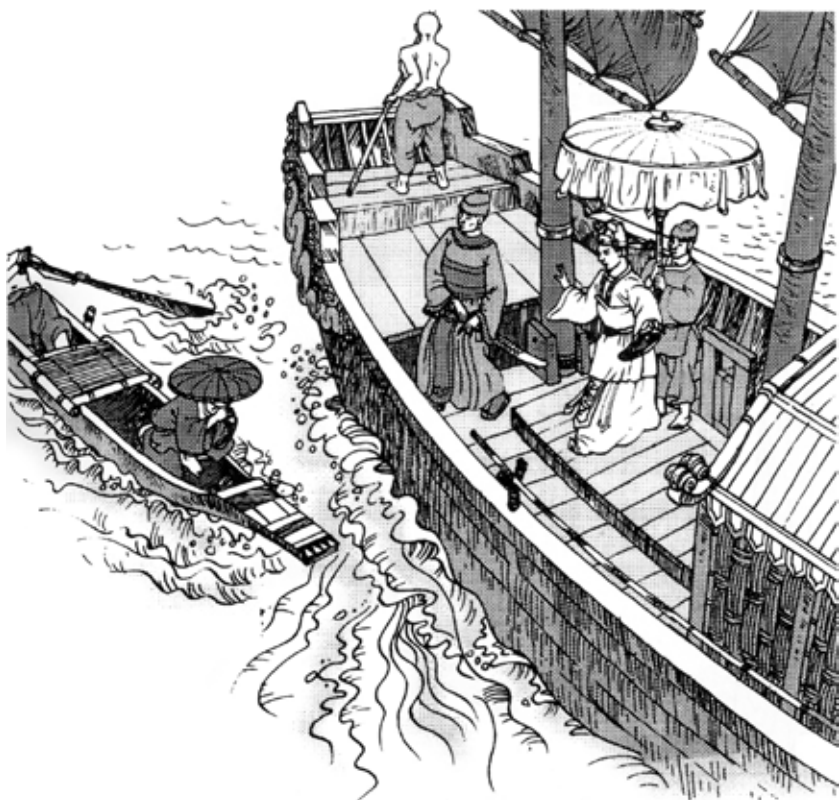


Trần Thủ Độ biết tin, đem quân thần đi đón. Vua không chịu về, bảo: “*Trẫm còn nhỏ dại, không kham nổi việc trọng đại, phụ hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, không dám ở ngôi vua để làm nhục xã tắc*”. Cố nài hai, ba lần, nhà vua không chịu về. Thái sư bèn bảo mọi người: “*Xa giá ở đâu là triều đình ở đấy*”. Rồi sai cắm mốc, chăng dây, chia địa hình trong núi, phỏng theo kích thước cung điện ở kinh thành mà bắt thợ xây dựng.



Sư trụ trì thấy thế, tâu với nhà vua: “*Bệ hạ nên gấp về kinh sư, chớ để hại núi rừng của đệ tử*”. Vua Trần Thái Tông không còn cách nào, buộc lòng phải hồi cung.





Còn Trần Liễu cũng biết sức mình thế cô không chống chọi được với người chú họ mưu lược và quyết đoán, nên một hôm nhân lúc nhà vua đi chơi thuyền ở ngoài sông, ông giả dạng làm người đánh cá, đi thuyền độc mộc đến xin hàng.

Hai anh em đang ôm nhau  
khóc ròng thì Trần Thủ Độ nghe  
tin, vội kéo quân đến thẳng  
thuyền vua, rút gươm ra hét to:

- Giết chết tên giặc Liễu!



Nhà vua vội vàng đưa thân mình ra che chở cho anh trai và phân trần:

- Phụng Càn vương (tên hiệu của Trần Liễu) đến hàng đó thôi.

Trần Thủ Độ tức lắm nhưng cũng không dám làm gì đành ném gươm xuống sông, thốt lên:

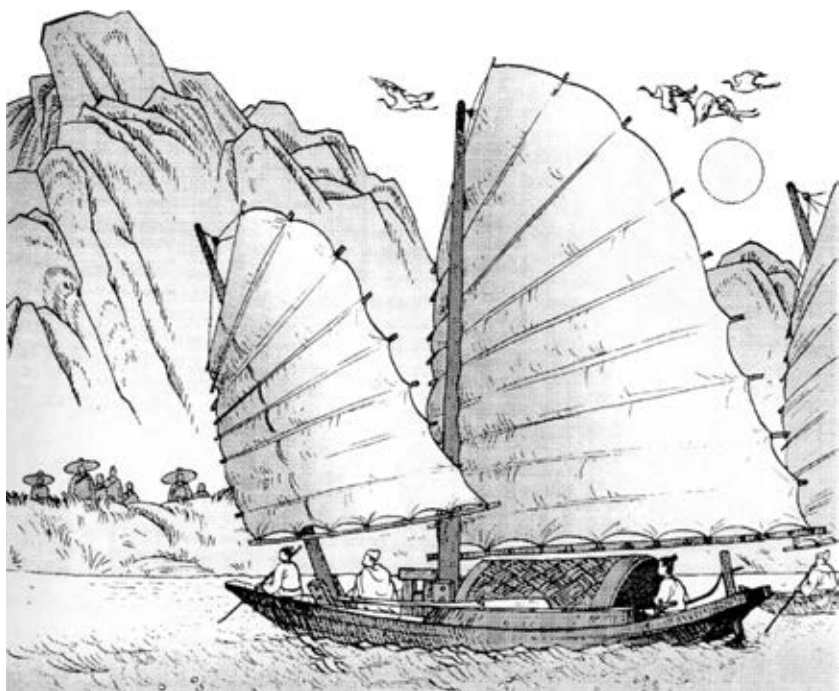
- Thủ Độ này chỉ là con chó săn thôi, biết đâu sự thuận nghịch của anh em nhà vua.



Nhà vua hòa giải để Trần Thủ Độ bãi binh rồi cấp cho Trần Liễu vùng đất An Sinh (nằm ở hai huyện Đông Triều và Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh ngày nay) để làm bổng lộc và phong ông làm An Sinh vương. Tuy vậy, Trần Liễu vẫn ngấm mang nỗi oán hận trong lòng. Mâu thuẫn này khiến trong hoàng tộc có nhiều chia rẽ và phải đến đời con Trần Liễu là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn mới được cởi bỏ.



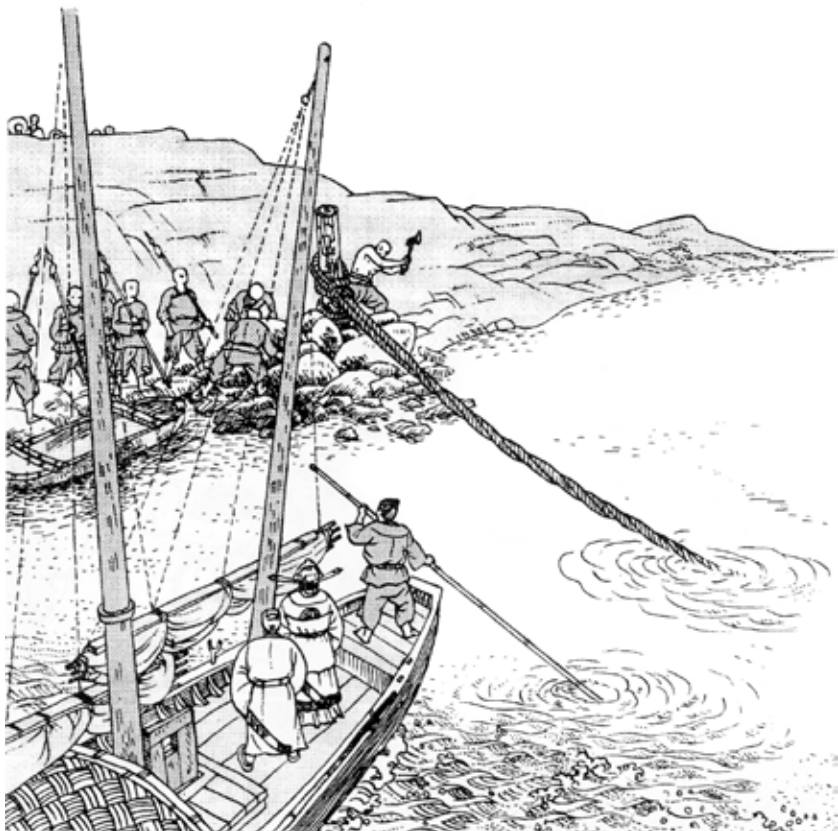
Lúc này vua Trần Thái Tông đã đảm đương được việc triều chính. Ngài tỏ ra là một vị minh quân, quyết định mọi việc trong nước một cách sáng suốt. Nhà vua còn là người rất gan dạ. Vào năm Tân Sửu (1241) vua thân chinh đi tuần ở biên giới bằng đường thủy. Đến địa giới của nhà Tống, nhà vua bỏ thuyền lớn, dùng ba thuyền nhỏ là Kim Phụng, Nhật Quang, Nguyệt Quang để thâm nhập vào đất Tống.



Nhà vua tự xưng là chàng Chay (người thanh niên ăn chay trường) và đi vào tận châu Khâm, châu Liêm<sup>(\*)</sup>. Thoạt tiên, dân địa phương không biết là ai nên hoảng sợ bỏ chạy. Khi biết đấy là vua nước Đại Việt, họ bèn chằng dây xích ngang dòng sông để chặn đường trở về của thuyền vua. Vua không những không nao núng còn sai quân lính nhổ cọc, tháo xích rồi ung dung theo đường cũ về nước.

---

\* Xem tập *Lý Thường Kiệt*.



Trần Thủ Độ vẫn tiếp tục giúp vua rất đắc lực. Vua tôi đều một lòng lo cho đất nước, nhờ thế mà Đại Việt đã ổn định và ngày một hưng thịnh. Nhà Trần vẫn giữ lệ cử hành lễ tế ở đền thờ thần Đồng Cổ như dưới triều Lý để buộc các quan phải trung thành với triều đình. Thái sư cho giữ nguyên ngày tế với các nghi thức cũ. Đó là ngày mồng 4 tháng tư âm lịch hàng năm. Hôm ấy, trăm quan ăn mặc chỉnh tề, đứng ngoài cửa thành từ lúc gà gáy cho đến mờ sáng thì tiến vào triều.



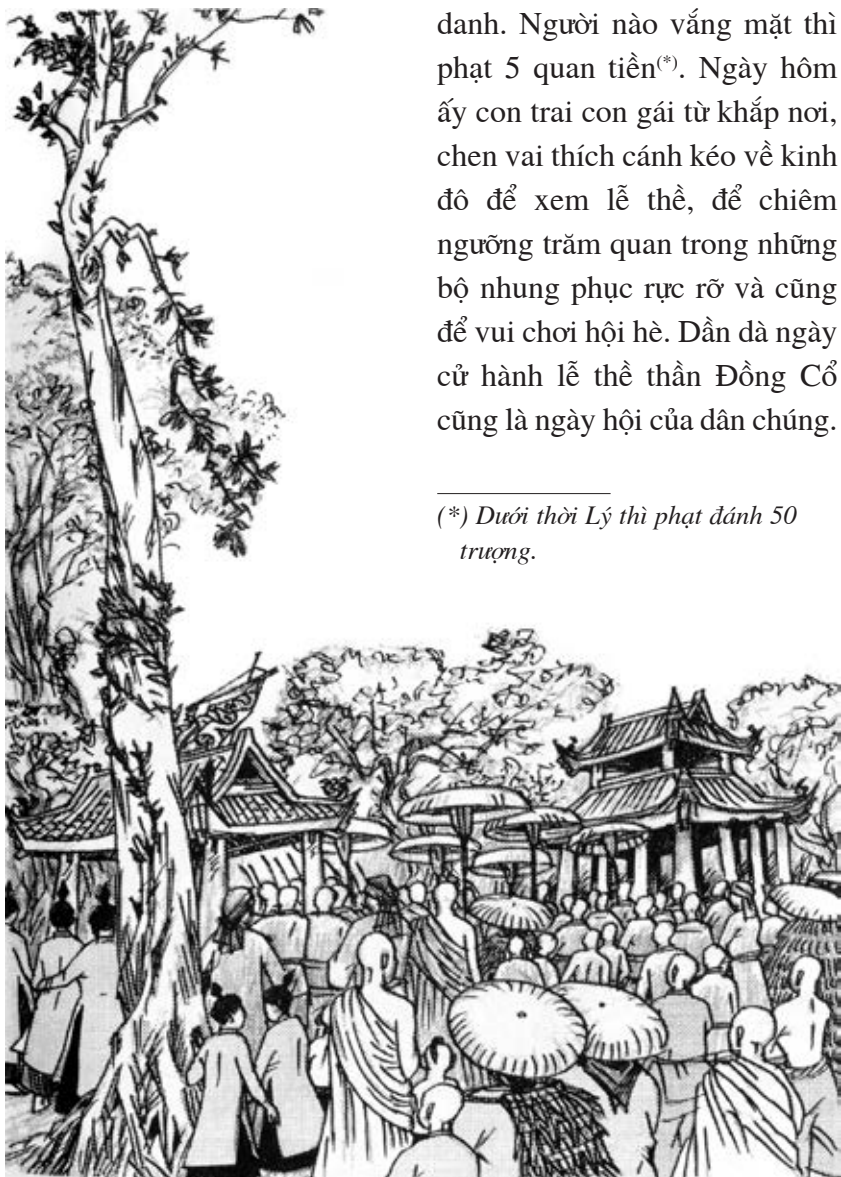


Vua đã ngự sẵn ở điện Đại Minh. Trăm quan lần lượt vào lễ vua hai lạy rồi cùng với đội nghi trượng rầm rộ ra cửa tây kinh thành để đến đền Đồng Cổ. Khi các quan quỳ trước đài thờ thần, quan Trung thư Kiểm chính đọc lời thề rằng: *“Làm tôi phải tận trung, làm quan phải thanh bạch, ai trái lời thề này thì thần minh hại người ấy”* rồi cùng nhau uống máu ăn thề.

Lời thề đọc xong, quan Tế tướng sai đóng cửa lại để điểm danh. Người nào vắng mặt thì phạt 5 quan tiền<sup>(\*)</sup>. Ngày hôm ấy con trai con gái từ khắp nơi, chen vai thích cánh kéo về kinh đô để xem lễ thề, để chiêm ngưỡng trăm quan trong những bộ nhung phục rực rỡ và cũng để vui chơi hội hè. Dần dà ngày cử hành lễ thề thần Đồng Cổ cũng là ngày hội của dân chúng.

---

<sup>(\*)</sup> Dưới thời Lý thì phạt đánh 50 trượng.

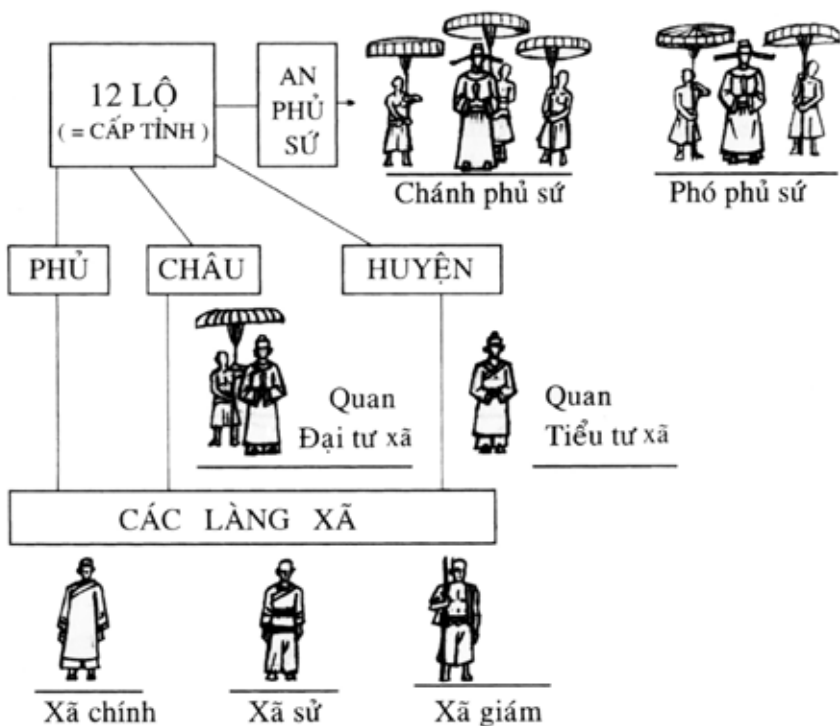


Triều đại nhà Trần đặc biệt ưu đãi giới quý tộc họ Trần. Chỉ có người họ Trần mới được giữ những chức vụ quan trọng và chính nhờ thế mà quyền lực của triều đại ngày càng chặt chẽ. Quý tộc họ Trần đóng vai trò hoàn toàn quyết định trong bộ máy quan lại và quân đội. Họ còn được cấp đất lập những thái ấp rộng lớn và có một số lượng gia nô đông đảo.





Các quan lại khác đều có lương và ruộng đất, nhưng ruộng đất của quan lại có quy mô nhỏ. Hệ thống quan lại được định chế rõ ràng. Cấp quan cao nhất là Tam công, Tam thiếu, Thái úy, Tư mã, Tư đồ, Tư không. Ở dưới là các quan văn võ chia làm hai: Quan nội chức làm ở các bộ tại triều và quan ngoại chức làm việc tại các địa phương. Cứ 15 năm thì các quan được lên chức một lần.



Từ năm 1242, nước Đại Việt được chia làm 12 lộ<sup>(\*)</sup>. Mỗi lộ có quan cai trị là An Phủ sứ. Giúp việc cho An Phủ sứ là Chánh Phủ sứ và Phó Phủ sứ. Dưới lộ là phủ, châu, huyện do các quan Đại Tư xã hay Tiểu Tư xã trông coi. Quan Đại Tư xã phải từ ngũ phẩm trở lên, còn quan Tiểu Tư xã thì từ lục phẩm trở xuống. Đơn vị dưới cùng là làng xã do Xã quan quản lý, gồm Xã chính, Xã sử và Xã giám.

(\*) Tương đương với tỉnh ngày nay.

Tổ chức quân đội thời Trần có một bước tiến đáng kể so với trước. Đặc biệt số lượng quân thường trực khá lớn, có thể đến 20.000 người. Quân triều đình gồm cấm quân và quân địa phương (quân các lộ). Giống như các thời Đinh, Lý trước, cấm quân (quân cấm vệ) thời Trần cũng là lực lượng chủ yếu trong quân đội nhà Trần, có nhiệm vụ bảo vệ vua và triều đình. Quân này được tuyển chọn cẩn thận từ các hương ấp quê hương họ Trần nên hết sức trung thành.





Quân địa phương có nhiệm vụ bảo vệ các lộ và tham chiến trận khi có chiến tranh. Ngoài cấm quân và quân các lộ, nhà Trần cũng có các lực lượng vũ trang của các nhà quý tộc lớn để bảo vệ điền trang, thái ấp của mình và tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước khi cần. Đáng chú ý là số lượng này khá lớn, một vương hầu có thể có hàng ngàn quân.



Như triều Lý, nhà Trần cũng thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”. Tất cả dân tráng trong nước đều phải đi lính. Số quân binh dịch này được phiên chế thành đô, ngũ<sup>(\*)</sup> để luyện tập, hết hạ lại trở về làm ruộng, khi nào có việc mới điều động.

---

<sup>\*</sup> Một ngũ gồm 5 người, 10 ngũ là một đô.



Quân đội nhà Trần đã bắt đầu có sự phân biệt giữa quân thủy và quân bộ. Ngoài ra còn có cả đội tượng binh và kỵ binh. Binh lính được tập luyện kỹ lưỡng, có trật tự và chặt chẽ và quyết tâm cao trước kẻ thù. Còn các tướng thì không chỉ tinh thông võ nghệ mà còn giỏi cả binh pháp. Chính vì vậy, quân đội nhà Trần không chỉ có lực lượng mạnh mà còn có kỹ thuật chiến đấu khá cao.

Bên cạnh việc xây dựng quân đội, nhà Trần rất chú trọng đến nông nghiệp, sức mạnh kinh tế chủ yếu thời ấy. Ruộng có hai loại là ruộng công và ruộng tư. Giống như thời Lý, ruộng công thuộc và nhà nước, phần lớn là ruộng quốc khố do nông nô, binh lính và tù nhân cày cấy để thu lợi tức cho triều đình. Ngoài ra còn một phần dành cho việc thờ cúng các tiên đế, công thần (ruộng Sơn Lăng) và một số ít để vua cày tịch điền hàng năm.





*Mộc bài Đa Bối (1269)  
- Cột mốc gỗ khắc chữ  
về việc cắm đất chia  
123 mẫu ruộng cho  
quan lại thời Trần.*

*Bảo tàng lịch sử Việt  
Nam, Hà Nội.*

*Ảnh: Đức Hòa*

Còn ruộng công ở các làng xã gọi là quan điền (công điền) hay quan điền bản xã do làng xã quản lý. Nông dân các làng xã chia nhau cày cấy và đóng tô cho nhà nước. Nhà vua có quyền lấy số ruộng công của các làng xã phong cho quý tộc làm thái ấp hoặc làm ruộng thác đao<sup>(\*)</sup> phong cho các công thần làm bổng lộc. Số ruộng phong này vẫn do nông dân ở đó cày cấy, nhưng tô thuế không nộp cho nhà nước mà nộp cho người được cấp ruộng.

---

*\* Xem Xây đắp nhà Lý.*





Ruộng tư đã có từ thời Lý, sang thời Trần thì phát triển hơn do từ năm 1254, vua Trần Thái Tông cho phép bán quan điền (ruộng công làng xã) cho dân. Mỗi diện<sup>(\*)</sup> được bán với giá 5 quan. Do đó tầng lớp nông dân tư hữu cũng nhiều hơn trước. Ai có ruộng thì tùy theo số lượng ruộng mà đánh thuế bằng thóc. Ngoài ra, nhà vua còn định ra những luật lệ nghiêm khắc trong việc tranh chấp ruộng đất.

---

<sup>\*</sup> Như mẫu bầy giò.

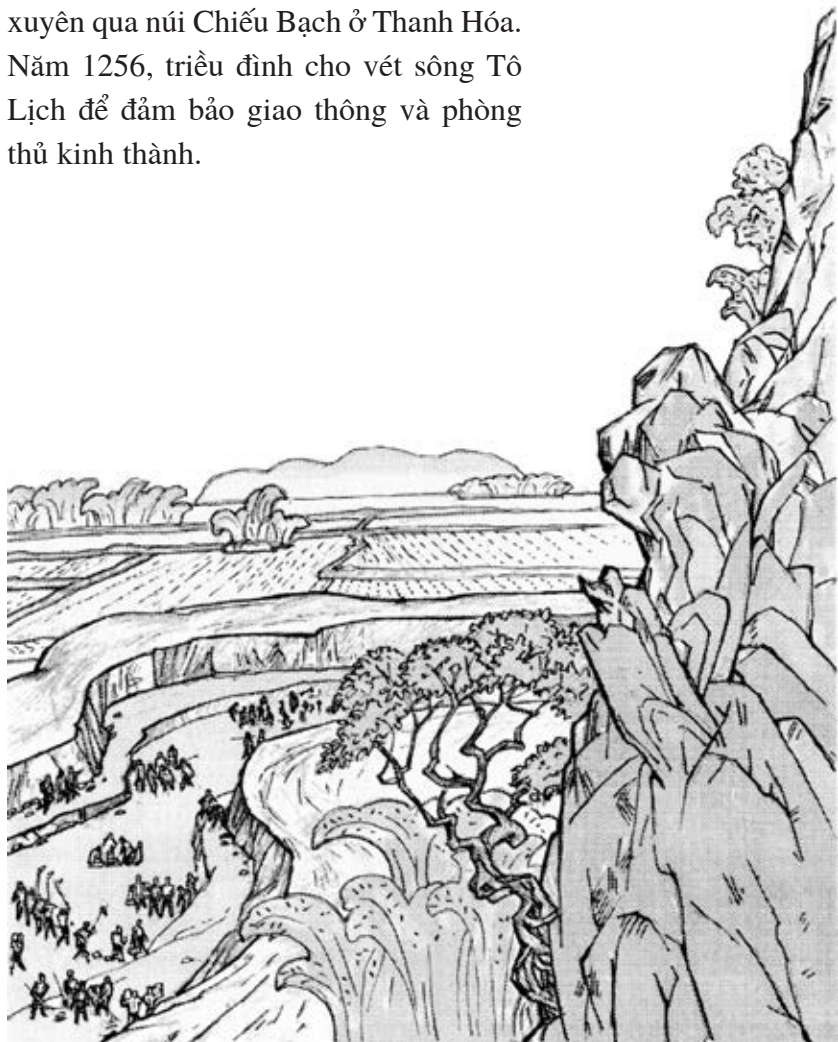
Để bảo vệ nông nghiệp, vua Thái Tông cho lập cơ quan Hà đê trông coi việc đê điều, đứng đầu là Chánh và Phó sứ. Hàng năm, vào tháng giêng, quan Hà đê phải thân hành đi đốc thúc dân đinh tu bổ lại hệ thống đê điều đã có từ trước. Đây được xem như một việc chung, dù giàu hay nghèo, cao sang hay thấp hèn đều phải tham gia. Công việc này được tiến hành cho đến đầu mùa hạ phải xong. Đến khi nước sông dâng cao lại phải tuần hành xem xét để kịp thời sửa chữa những chỗ sạt lở.





Vào năm 1248, nhà vua huy động tất cả quan dân ở các lộ ven sông Cái (sông Hồng) vào việc đắp một con đê với quy mô rất lớn. Con đê này được gọi là Đỉnh Nhĩ (tức đê Quai Vạc). Đê Quai Vạc chạy dài ven hai bên bờ sông, bắt đầu từ nguồn xa cho đến biển. Nếu chỗ đê nào lấn vào ruộng đất của dân, thì nhà nước chiếu theo giá ruộng đất mà bồi thường. Đê sông Hồng được các đời sau tu bổ, đến nay vẫn là công trình phòng chống lũ lụt rất hiệu quả.

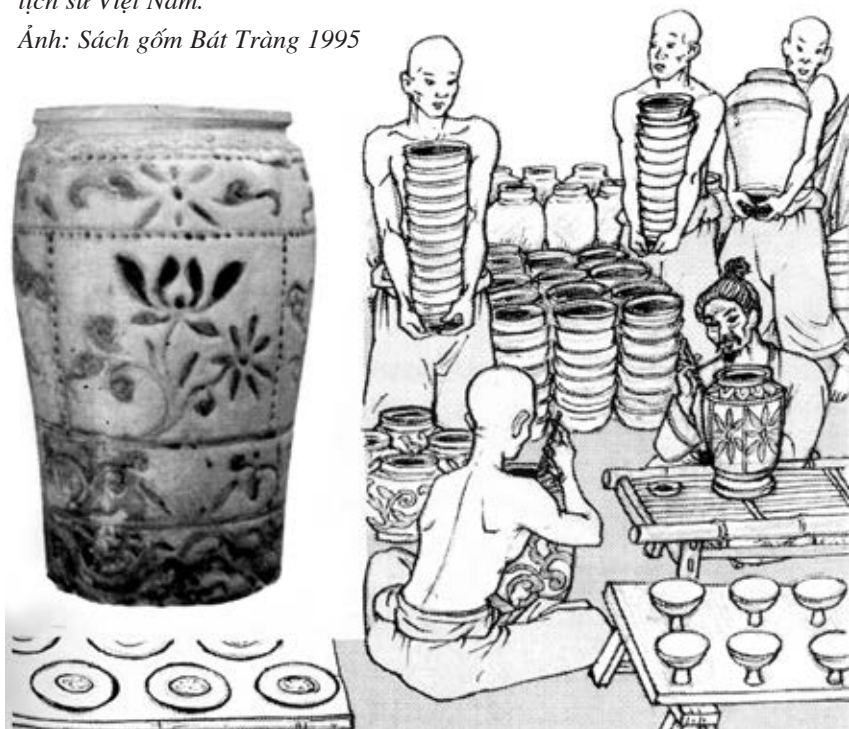
Đi đôi với đắp đê là đào sông. Năm Tân Mão (1231) nhà vua cho đào kênh Trầm, kênh Hào từ phủ Thanh Hóa đến Diễn Châu (Nghệ An). Năm 1248 vua lại cho đào sông Mã, sông Lũ và đào kênh xuyên qua núi Chiêu Bạch ở Thanh Hóa. Năm 1256, triều đình cho vét sông Tô Lịch để đảm bảo giao thông và phòng thủ kinh thành.



Công thương nghiệp đời Trần có những bước phát triển mới. Các phường thủ công mở rộng hơn trước. Hình thành thêm một số làng nghề chuyên môn. Đặc biệt, nghề gốm rất phồn thịnh. Các loại sản phẩm như gạch, ngói, thạp, hũ, bát... lưu thông rộng rãi trong cả nước. Hàng gốm cao cấp không chỉ được dùng trong cung điện, các phủ đệ mà còn làm cống phẩm bang giao và buôn bán với nước ngoài.

*Thạp gốm hoa nâu thời Trần.  
Cao 47,7 cm - Bát Tràng - Bảo tàng  
lịch sử Việt Nam.*

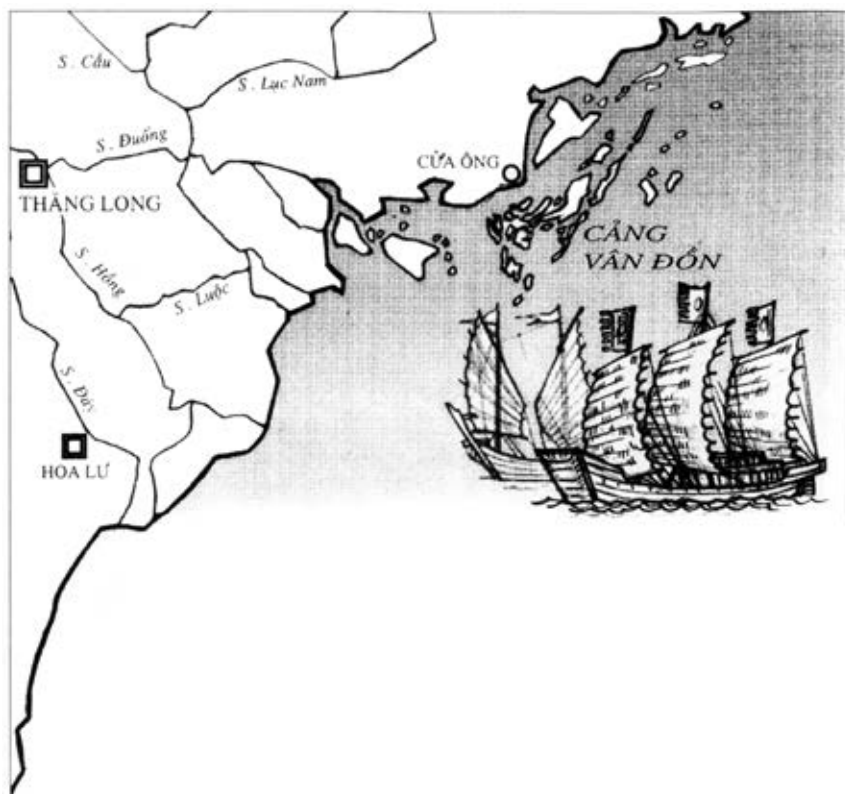
*Ảnh: Sách gốm Bát Tràng 1995*



Kinh thành Thăng Long được tu bổ và mở rộng, có chợ búa, phố xá... Người qua lại buôn bán đông đúc. Vùng phụ cận xung quanh kinh thành đã được khai phá và lập thành “thập tam trại” từ thời Lý, nay càng mở rộng và trở thành những vùng chuyên canh nông nghiệp ổn định.



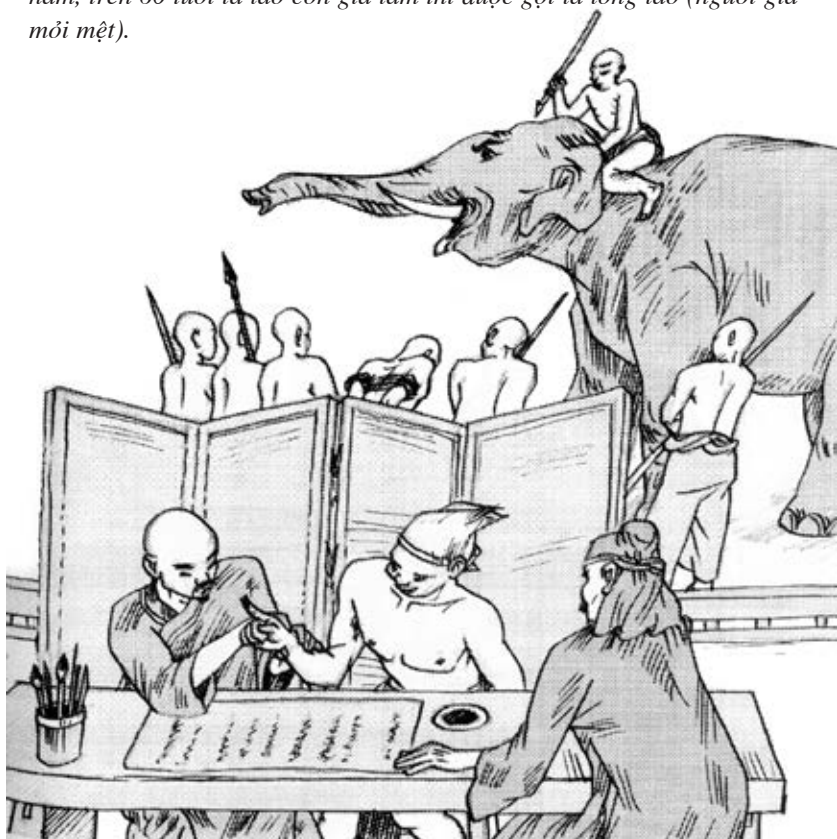




Buôn bán trao đổi với nước ngoài được mở rộng. Hải cảng chính cho tàu buôn nước ngoài đến là bến Vân Đồn bên ngoài vịnh Hạ Long (Quảng Ninh). Các tàu buôn từ Trung Quốc và các nước quanh vùng như Qua Oa (Java), Xiêm La... tấp nập ra vào thương cảng này. Ngày nay qua khai quật, người ta còn thấy các phế tích thương cảng này ở các đảo Vân Đồn, Quan Lạn, Ngọc Vũng, Cống Đông, Cống Tây...

Vua Trần Thái Tông còn định lại thuế lệ và pháp luật. Người trong nước được phân ra từng hạng<sup>(\*)</sup>. Thuế thân phải đóng bằng tiền chứ không đóng bằng thóc như thuế ruộng. Nếu không có ruộng thì được miễn. Các giấy tờ, đơn từ, khế ước đều dùng lệ điểm chỉ in nửa ngón tay vào tờ giấy để làm bằng. Nhờ thế, công việc hành chính tiến hành khá kỉ cương. Tuy nhiên, hình luật lại khá nặng, người phạm tội trộm cắp phải bị chặt chân hoặc tay, thậm chí còn bị cho voi giày.

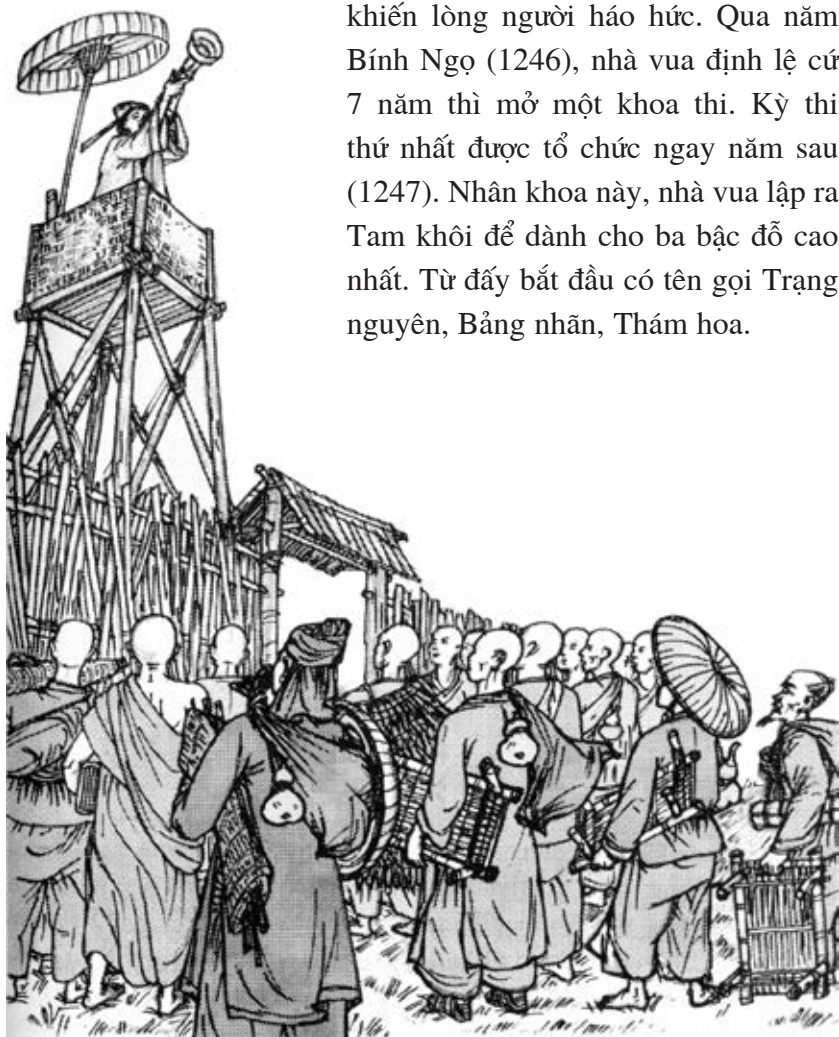
*\* Con trai từ 18 tuổi gọi là tiểu hoàng nam, trên 20 tuổi gọi là đại hoàng nam, trên 60 tuổi là lão còn già lắm thì được gọi là long lão (người già mỗi một).*



Đối với quý tộc và quan lại, vua Trần Thái Tông cũng định ra quy chế để phân biệt thứ bậc. Từ ngũ phẩm trở lên đều được đi kiệu, ngựa và võng. Kiệu của quý tộc có đầu đòn chạm con chim phượng và sơn đen, lọng màu tía. Từ tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu đòn chạm mây, lọng xanh. Quan tứ phẩm, ngũ phẩm dùng kiệu bằng đầu và cũng lọng xanh. Riêng các quan lục thất phẩm dùng lọng màu đen...



Nhà Trần cũng có ý chiêu hiền đãi sĩ. Năm Nhâm Thìn (1232), khoa thi Thái học sinh được mở. Sĩ tử mọi nơi nô nức đến dự thi. Một số nho sĩ thi đỗ, được bổ dụng làm quan. Việc ấy khiến lòng người háo hức. Qua năm Bính Ngọ (1246), nhà vua định lệ cứ 7 năm thì mở một khoa thi. Kỳ thi thứ nhất được tổ chức ngay năm sau (1247). Nhân khoa này, nhà vua lập ra Tam khôi để dành cho ba bậc đỗ cao nhất. Từ đấy bắt đầu có tên gọi Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.





Từ đó, các khoa thi được tổ chức đều đặn và quy củ. Nhà vua lại cho mở ra Quốc học viện (1253) để cho nho sĩ đến học Tứ thư, Ngũ kinh của Nho giáo. Tượng thờ Khổng Tử, Chu Tử và Mạnh Tử cùng 72 vị tiên hiền ở Văn Miếu đều được tu bổ lại. Nho giáo được đề cao. Dần dần, tầng lớp nho sĩ được đào tạo qua các kỳ thi càng đông và bắt đầu lấn át vai trò của các nhà sư.



Trong kỳ thi năm Đinh Mùi (1247), có 48 người đỗ Thái học sinh<sup>(\*)</sup> và trong 3 người đỗ đầu (Tam khôi), có hai người rất nổi tiếng là Trạng nguyên Nguyễn Hiền và Bảng nhãn Lê Văn Hưu. Đây là Trạng nguyên và Bảng nhãn chính thức đầu tiên của nước Việt.

---

<sup>\*</sup> Sang thời Lê đổi gọi là Tiến sĩ.



Nguyễn Hiền người xã Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường (Nam Định ngày nay). Ông đỗ Trạng nguyên lúc mới 13 tuổi. Tương truyền thuở nhỏ, gia đình cho ông theo học với một nhà sư. Hiền được cạo đầu, hàng ngày vào chùa quét dọn và hầu hạ thầy. Tuy nghịch ngợm nhưng Hiền học hành chăm chỉ, lúc lên 11 tuổi đã nổi tiếng lâu thông kinh sử và được mệnh danh là thần đồng.

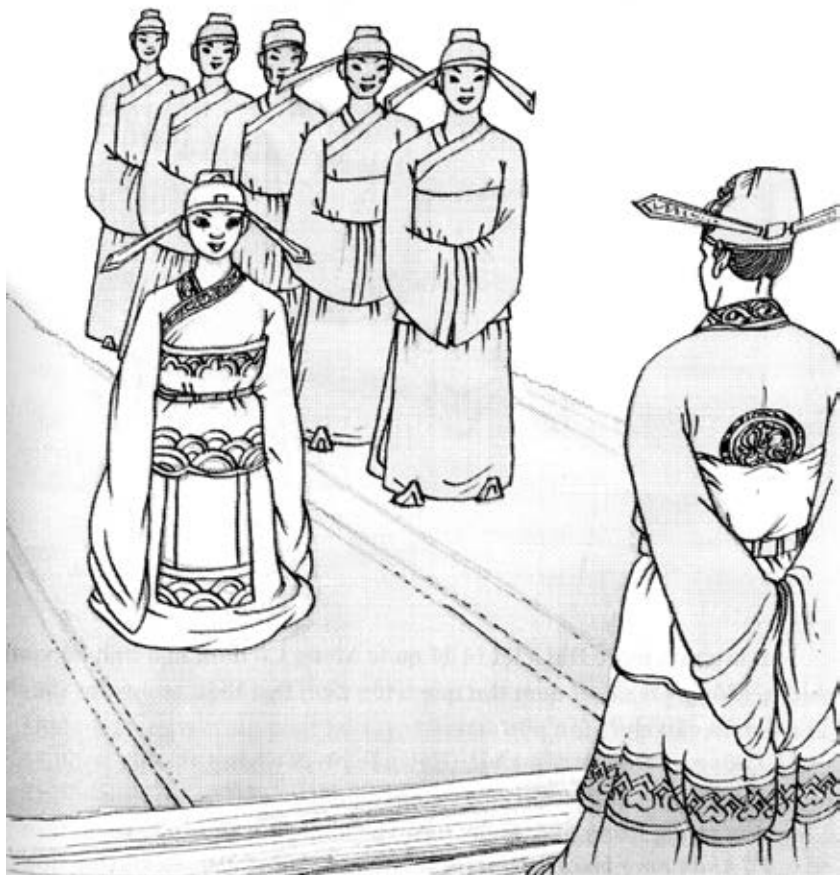
Khi Nguyễn Hiền thi đỗ, vào châu vua, nhà vua hỏi:

- Trạng nguyên học với ai?

Hiền trả lời:

- Tâu bệ hạ, thần không phải là người sinh ra đã biết hết. Khi nào có một đôi chữ không biết thì thần hỏi thầy chùa.

Thấy Hiền còn nhỏ mà ăn nói lại ngông nghênh, nhà vua không bằng lòng. Ngài buộc Hiền phải về quê để học thêm lễ nghĩa.





Ít lâu sau, nước Đại Việt bị đế quốc Mông Cổ dòm ngó tính bẽ xâm chiếm. Mông Cổ sai sứ đem thư qua triều đình Đại Việt, trong thư thách đố giải bốn câu chữ Hán như sau:

*Lưỡng nhật bình đầu nhật,* (Hai mặt trời đầu bằng nhau)

*Tứ sơn diên đảo sơn.* (Bốn hòn núi nghiêng ngả)

*Nhị vương tranh nhất quốc,* (Hai vua tranh một nước)

*Tứ khẩu tung hoành gian.* (Bốn miệng ngang dọc trong khoảng đó)



Các quan không ai tìm ra lời giải, ngay cả những vị lão thành trong Quốc học viện cũng phải bó tay. Nếu Đại Việt không giải ra thơ đố, thì sẽ nhục cho quốc thể. Vua Trần hết sức lo nghĩ. Bỗng vua chợt nhớ đến khuôn mặt thông minh và cách ăn nói lém lỉnh của Trạng Hiền, bèn cho một quan văn đi đón về. Sứ nhà vua bất kể ngày đêm, phi ngựa nước đại đến quê của Trạng.

Đến nơi, sứ gặp một nhóm trẻ chăn trâu đang chơi đùa dưới gốc đa đầu làng. Đoán biết là Trạng ở trong nhóm ấy, nhưng sứ không biết mặt, bèn nghĩ ra câu đố để thử:

- Tự là chữ, cắt giềng đầu, chữ tử là con: con ai con ấy<sup>(\*)</sup>?

Hiền tuy vẫn chơi đùa, nhưng đổi lại ngay:

- Vu là chùng, chặt ngang lưng, chữ đình là đứa: đứa nào đứa này<sup>(\*\*)</sup>?

---

\* chữ tự (字) cắt đầu thành chữ tử (子).

\*\* chữ vu (于) bỏ một nét thành chữ đình (丁).



Ý của Nguyễn Hiền muốn gọi xỏ sứ là đùa. Đối xong, Hiền bỏ về nhà. Sứ vội vàng chạy theo và đưa chiếu chỉ của nhà vua ra, mời Trạng về kinh đô. Nguyễn Hiền liền bảo:

- Lễ nào ta đỗ đến Trạng nguyên mà lại không biết lễ nghĩa. Chính nhà vua mới không biết lễ. Rước ta mà không theo lễ rước của Trạng nguyên thì ta không về triều.



Sứ nói mấy Nguyễn Hiền cũng không chịu đi, đành phải về tâu vua. Nhà vua liền sai quân lính mang cờ quạt, võng lọng đi rước, khi ấy Hiền mới chịu lên đường. Gặp được Trạng, nhà vua đưa bài thơ ra hỏi.

Nguyễn Hiền trả lời ngay: “Đó là chữ điền 田” (nghĩa là ruộng)<sup>(\*)</sup>.

---

\* Cách giải của bốn câu thơ ấy như sau:

Hai mặt trời đầu bằng nhau: Có nghĩa là có hai chữ nhật 日 (mặt trời)

Bốn hòn núi nghiêng ngả: Có bốn chữ sơn 山 (núi)

Hai vua tranh một nước: Có hai chữ vương 王 (vua)

Bốn miệng ngang ọc trong khoảng đó: Có bốn chữ khẩu 口 (miệng)

Hai chữ nhật, bốn chữ sơn, hai chữ vương, bốn chữ khẩu gộp lại thành ra chữ điền.

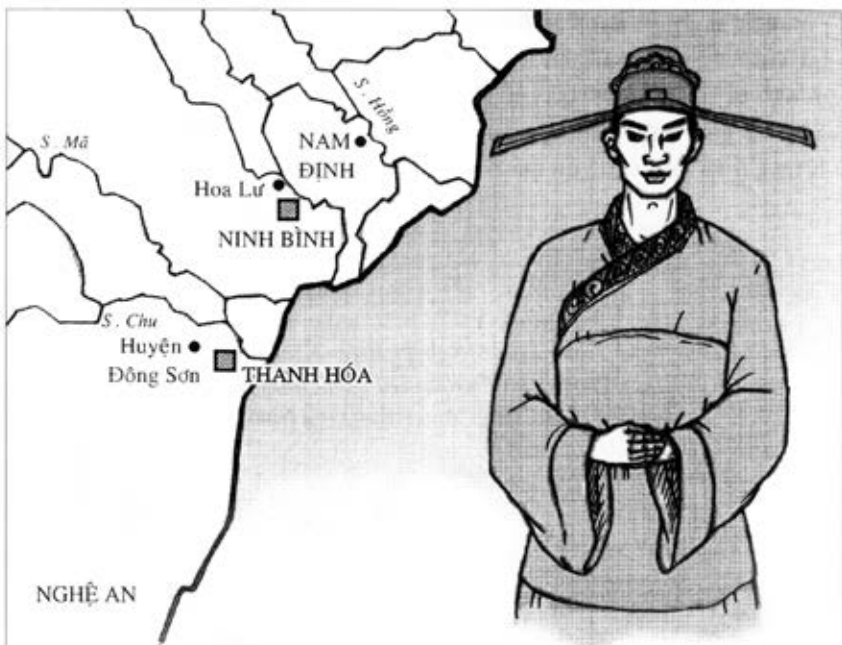


Thế là ông Trạng nhỏ tuổi giải ngay được cho triều đình. Ông được nhà vua yêu mến và giao trọng trách làm Thượng thư bộ Công (tương đương với Bộ trưởng ngày nay). Nguyễn Hiền làm quan rất thanh liêm và đóng góp được nhiều trong việc đối ngoại. Ông hai lần đi sứ sang Mông Cổ và làm cho vua quan nước này phải khâm phục.



*Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Hiền tại thôn Dương A, xã Nam Thẳng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.*

*Ảnh: Trịnh Mạc - Bảo tàng Nam Định*



Còn Bảng nhãn Lê Văn Hưu có tên hiệu là Tu Hiền, tước Nhân Uyên hầu, sinh năm Canh Dần (1230). Ông người làng Phủ Lý Nam, xã Thiệu Trung, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Làng quê của ông có nghề thủ công bện dây thừng rất nổi tiếng và cũng là đất phát lộ các danh nho. Từ đầu thời Trần đến thời Trịnh - Nguyễn về sau, vùng đất này có đến 6 Tiến sĩ. Đó là Lê Văn Hưu, Đào Tiêu, Trần Văn Thiện, Lê Bá Phú, Vũ Liêm, Lê Biện.

Lê Văn Hưu là cháu đời thứ 7 của Lê Lương, một nhà hào phú nổi tiếng, ưa làm việc thiện và rất sùng đạo Phật dưới thời nhà Đinh (thế kỷ thứ X). Trong nhà ông luôn có trên 110 lăm thóc và hơn 3000 thực khác. Đinh Tiên Hoàng ngưỡng mộ Lê Lương, vời ông ra và phong làm Trấn quốc Bộc xã, cho cai quản cả vùng đất rộng lớn.



Đến đời ông nội của Lê Văn Hưu là Lê Văn Trung thì cửa nhà đã sa sút, nhưng luôn giữ gìn nền nếp gia phong. Ông Trung thường căn dặn con cháu rằng: *“Nhà ta trải nhiều đời lấy Phật làm trọng, đều được vua ban cho vinh hiển. Các con nên tu nhân tích đức, giảng kinh học đạo, lấy văn chương làm lòng sẽ được lưu danh ở đời”*<sup>(\*)</sup>. Khi Lê Văn Hưu còn trong bụng mẹ thì cha ông là Lê Văn Minh không may lâm bệnh nặng qua đời.

---

<sup>\*</sup> *Đặng Đức Thi, Lê Văn Hưu nhà sử học đầu tiên của nước ta, TPHCM, 1994, tr.31.*



Hai mẹ con được ông ngoại là Đỗ Tất Bình cứu mang. Ông Đỗ Tất Bình vốn là người tinh thông thuật phong thủy nên Lê Văn Hưu đã sớm tiếp thu được học thuật này. Năm lên 9 tuổi, Hưu được ông ngoại cho theo học với thầy đồ họ Nguyễn ở làng bên. Nhận thấy cậu học trò chăm chỉ có cốt cách khác người, sau này thầy đồ đã gả con gái cho.



Lúc đỗ Bảng nhãn, Lê Văn Hưu cũng chỉ mới 17 tuổi. Ông được vua Trần Thái Tông giao cho việc dạy dỗ Hoàng tử thứ ba là Trần Quang Khải rồi sau đó được bổ làm chức Kiểm pháp quan (một chức quan về hình luật).



Khi Quốc học viện được lập năm 1253, Lê Văn Hưu được phong chức Hàn lâm viện Học sĩ kiêm Quốc sử viện Giám tu. Trần Thái Tông là một vị vua anh minh, thấy Đại Việt dù đã lập nước từ lâu và đã trải qua nhiều triều đại hiển hách mà vẫn chưa có quốc sử nên rất quan tâm đến việc này. Biết Lê Văn Hưu là người có tri thức uyên thâm, nhà vua tin tưởng giao cho ông soạn quốc sử.



Được giao trọng trách, Lê Văn Hưu đã nghiên cứu một số cuốn sách như *Hoàng tông ngọc diệp*, *Việt chí*<sup>(\*)</sup> để rút kinh nghiệm. Đồng thời ông đi sưu tầm những chuyện kể trong dân gian, những sách vở xưa còn lưu lại ở các đền chùa và hỏi thêm những người lớn tuổi để soạn ra bộ *Đại Việt sử ký*<sup>(\*\*)</sup>, mở đầu cho nền sử học của nước nhà.

\* Hai cuốn này hiện nay đều đã thất lạc.

\*\* Gồm 39 quyển biên soạn từ thời Triệu Đà đến đời Lý Chiêu Hoàng gần 15 thế kỉ được dâng lên vua Trần Thánh Tông năm 1272. Sử gia đời sau là Ngô Sĩ Liên dựa vào sách này để viết *Đại Việt sử kí toàn thư*.





Nhờ chú trọng phát triển kinh tế, xây dựng quân đội, và nhất là biết chiêu hiền, đãi sĩ để chọn người tài giỏi giúp nước nên năm 1258, vua Trần Thái Tông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt đánh bại quân xâm lược Mông Cổ, một đội quân thiện chiến nhất lúc đó. Bản thân nhà vua là vị tướng dũng mãnh và các con ngài như Trần Thánh Tông, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, công chúa An Tư đều là những anh hùng tài giỏi, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông sau này.



Chùa Cầu Đông là một ngôi chùa đặc biệt kỳ lạ. Bởi chùa cùng một lúc thờ các nhân vật thuộc hai dòng họ vốn là hai đối thủ truyền kiếp trong lịch sử phong kiến Việt Nam là họ Lý và họ Trần.

Ở chính điện có tượng vua Lý Huệ Tông với đầy đủ trang phục của một ông vua. Nhưng bên cạnh, trên bàn thờ sát tường lại là tượng Trần Thủ Độ trong bộ khăn áo đơn giản, bình dân và tượng bà Trần Thị Dung, vợ Thái sư họ Trần cũng vốn là Hoàng hậu cũ của ông vua “bị bệnh cuồng” họ Lý này.



Không ai rõ việc thờ phụng và nguồn gốc các pho tượng trên ra sao. Lịch sử cũng chỉ có vài dòng ghi lại việc Trần Thủ Độ ép Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng rồi đi tu ở chùa Chân Giáo sâu trong hoàng cung. Sau đó, Huệ Tông cũng phải tự tử ở đây. Trải bao thăng trầm lịch sử, chùa Chân Giáo đã mất dạng, không còn dấu tích. Có giả thuyết cho rằng chùa bị phá nên các sư đã đem ban thờ cả hai đối thủ ra chùa Cầu Đông bên ngoài Hoàng thành, việc cũ chưa chứng minh được.

*Ảnh 1: Mặt trước chùa Cầu Đông.*

*Ảnh 2: Tượng vua Lý Huệ Tông sơn son thếp vàng thờ ở chính điện.*

*Ảnh 3: Cổng chùa Cầu Đông ở phố Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.*

*Ảnh: Đức Hòa*







Tại đền Lỵ Phố, thuộc xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định có nhiều tư liệu, tài liệu lịch sử liên quan đến Trần Thủ Độ. Trong đó có các đại tự ca ngợi ông là: “Nhất đại tôn thần”, “Khai quốc công thần”, “Trần triều danh tướng”. Đặc biệt có bức tranh dân gian vẽ ông để thờ trong hậu cung cùng nhiều câu đối.

*Ảnh 1: Tượng hai vợ chồng Trần Thủ Độ.*

*Ảnh: Đức Hòa*

*Ảnh 2: Khu vực Lỵ Phố (thời Trần là Lỵ Viên) có đền thờ Trần Thủ Độ.*

*Ảnh 3: Tượng Trần Thủ Độ trong đền Lỵ Phố.*

*Ảnh 4: Điện thờ Trần Thủ Độ ở Lỵ Phố với bốn chữ “Khai quốc công thần”.*

*Ảnh 2, 3, 4: Phương Chi*







Ảnh 1: Sông Châu Giang  
(bờ cỏ phía trước di tích liên  
quan đến Trần Thủ Độ là phần  
thuộc Lưu Phố).

Ảnh: Phương Chi

Ảnh 2: Đền thờ Bổng nhân  
Lê Văn Hưu (nhìn từ phía trước)  
ở Đông Sơn, Thanh Hóa.

Ảnh 3: Tượng Lê Văn Hưu  
trong đền.

Ảnh 4: Ngai thờ Lê Văn Hưu,  
bên cạnh có một vế câu đối:  
“Phò quốc tu biên Nam Việt sử”  
và lời chú: Dòng tộc đời thứ 31  
Lê Văn Vĩnh.

Ảnh 2, 3, 4: Đức Hòa



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện Sử học), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vượng và Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- *Lịch sử Việt Nam* tập 1, In lần thứ hai, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

PHỤ LỤC

DẤU TÍCH THỜI LÝ - TRẦN  
KHAI QUẬT  
DƯỚI LÒNG ĐẤT  
THĂNG LONG - HÀ NỘI

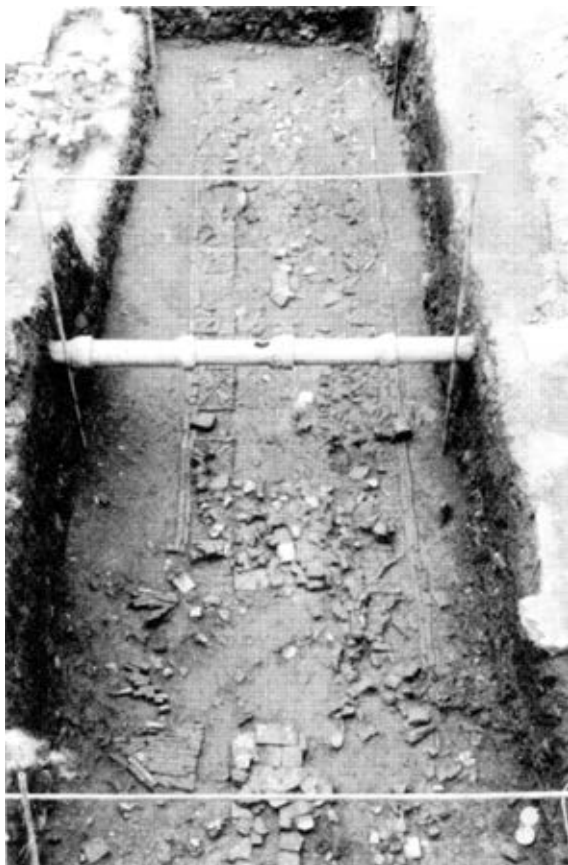


TỔNG TRUNG TÍN

*Ảnh và hình vẽ trong phụ lục của Tổng Trung Tín*

Đọc các nguồn sử sách thời phong kiến, mọi người đều biết rằng kinh thành Thăng Long thời Lý - Trần đã bị phá hủy và vùi lấp từ lâu dưới lòng đất. Từ khoảng cuối thế kỷ XIX đến nay, các cuộc đào móng xây dựng thành phố và một số cuộc khai quật khảo cổ học đã tìm thấy khá nhiều các di vật thời Lý - Trần. Đặc biệt trong các năm 1998 và 1999, khảo cổ học đã tiến hành khai quật bước đầu và tìm thấy nhiều dấu tích quan trọng thời Lý - Trần tại các vị trí được giới nghiên cứu dự đoán là trung tâm của thành Thăng Long thời đó như Đoan Môn, Bắc Môn, Hậu Lâu.

Tại Đoan Môn, trên mặt đất hiện nay vẫn còn có kiến trúc Đoan Môn của thời Lê. Còn cách mặt đất ở độ sâu 1,9m đã tìm thấy vết tích của một con đường được xây lát bằng gạch thời Trần. Con đường này chạy dài theo hướng bắc nam, phần xuất lộ trong hố khai quật dài 15,8m, rộng 2,40m. Mặt đường được kết cấu gồm hai phần: biên đường và lòng đường.



*Toàn cảnh con  
đường lát gạch  
thời Trần.*

Hai biên đường tạo hình hoa chanh được kết cấu như sau: Mỗi bên phía ngoài đường được giới hạn bởi một hàng gạch bìa cắm đứng chạy dài. Phía trong hàng gạch bìa, tiếp tục dùng gạch bìa cắm đứng phân cách thành các ô gần hình vuông hoặc hình chữ nhật. Ô nhỏ nhất dài 46cm, rộng 42cm. Ô lớn nhất dài 59cm, rộng 43cm. Trong mỗi ô lại dùng gạch bìa cắm theo đường chéo tạo thành bốn ô tam giác. Trong các ô tam giác dùng các mảnh gạch nhỏ, mảnh ngói mũi sen, ngói ống cắm đứng liền xít bên nhau lấp

kín khoảng trống tạo thành hình hoa chanh cách điệu. Lòng đường rộng 1,3m và bị hủy hoại khá nghiêm trọng. Riêng mặt đường hầu như đã bị phá hủy toàn bộ. Một số vị trí còn sót lại các mảnh gạch lát nền hình vuông có in nổi hình hoa mẫu đơn. Vì vậy, có thể thấy rằng mặt đường xưa được lát bằng gạch hoa. Dưới mặt đường là phần móng có hai lớp. Lớp trên xây bằng gạch bìa gồm có ít nhất là 5 lớp chồng xếp lên nhau. Lớp dưới (ở vị trí đào thám sát) được xây bằng nhiều loại vật liệu khác nhau xen kẽ tạo thành nhiều lớp như: lớp đất sét vàng, lớp đất sét trộn gạch, lớp sỏi, lớp bao nung, lớp gạch vỡ v.v... tạo thành một lớp dày 0,86m được đầm nện rất chắc chắn.

*Gạch bìa xây lòng đường thời Trần.*



Căn cứ vào đặc điểm của vật liệu, cấu trúc và kỹ thuật xây dựng, các nhà nghiên cứu đều cho rằng đây là một con đường đi thời Trần được xây dựng trên cơ sở con đường của thời Lý. Con đường này được bắt đầu từ Đoan Môn tiến thẳng vào điện Thiên An, nơi thiết triều của các vua Lý - Trần trong gần suốt 400 năm từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV. Có thể nói, cho đến nay, đây là di tích cổ nhất của thành Thăng Long thời Trần. Phát hiện này cũng chứng minh rằng trung tâm của Thăng Long thời Lý - Trần (và cả thời Lê sau đó) chính là vết tích của điện Kính Thiên hiện còn giữa lòng thành cổ Hà Nội.

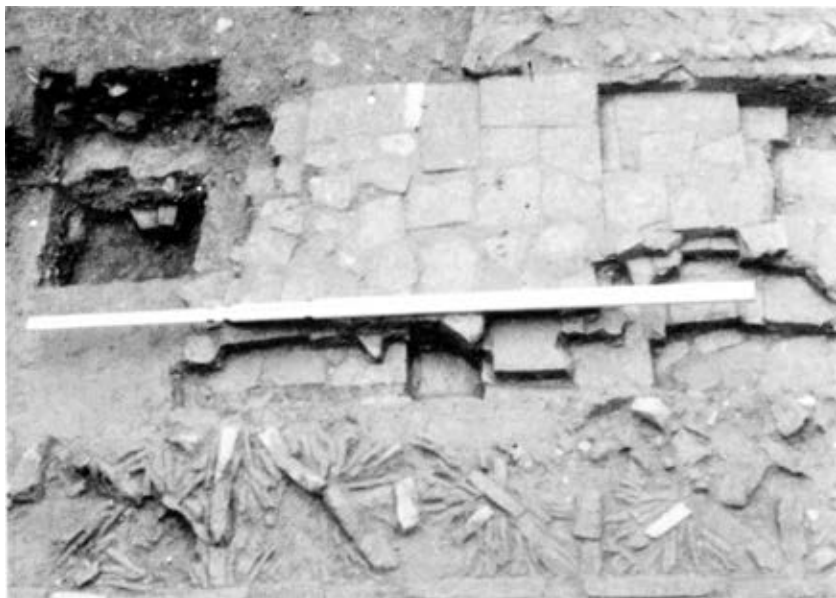
Ngoài di tích con đường, còn thấy hàng ngàn các di vật khác. Có hàng chục loại gạch xây, gạch hoa lát nền, ngói mũi sen, ngói ống chứng tỏ có vô số các kiến trúc khác nhau được xây dựng



*Cấu trúc chi tiết  
của con đường  
thời Trần.*

như cung điện, lầu gác, chùa tháp, đền đài... Các kiến trúc đều được trang trí hết sức công phu. Gạch lát nền được trang trí như hoa sen, hoa cúc, hoa mẫu đơn với nhiều đồ án khác nhau. Đầu ngói ống được trang trí hoa sen, hoa cúc. Lá đề thường trang trí phổ biến hình rồng có thân thon dài uốn lượn hoặc hình phượng đang xòe cánh múa. Trên lưng các loại ngói bờ thường gắn các tượng uyên ương. Một số viên gạch xây đặc biệt có in hình cây tháp có nhiều tầng, hình rồng, hình chim thần. Đồ gốm sứ gồm có gốm men ngọc, gốm men nâu, gốm men trắng, gốm hoa lam... đều thuộc loại đồ gốm cao cấp phản ánh sinh hoạt của Hoàng cung thời Lý - Trần.

Trong tương lai, nếu có điều kiện khai quật mở rộng, chắc chắn sẽ tìm thêm được nhiều các di tích khác thuộc thời Lý - Trần dưới lòng đất thành Thăng Long - Hà Nội.





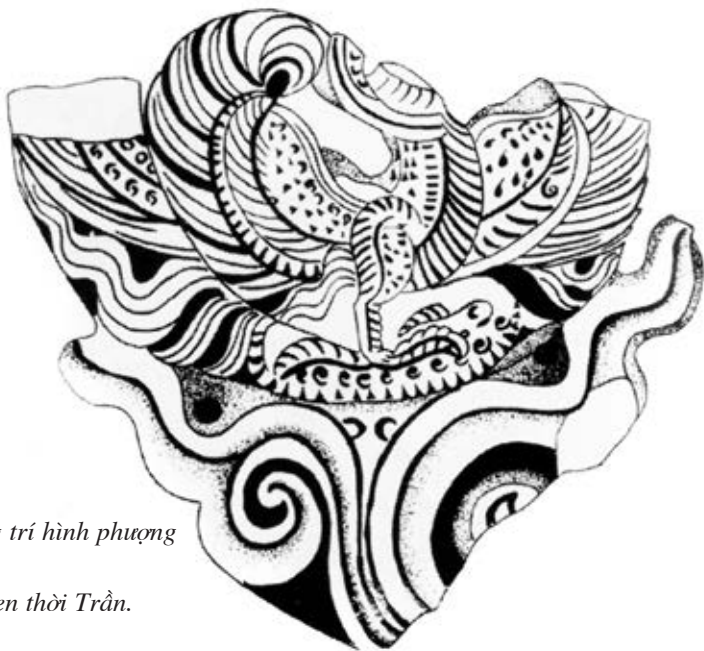
Ảnh 1: Cấu trúc một ô hoa chanh của con đường thời Trần.

Ảnh 2: Dấu tích gạch hoa lát mặt đường thời Trần.

Ảnh 3: Tượng đầu rồng thời Trần.

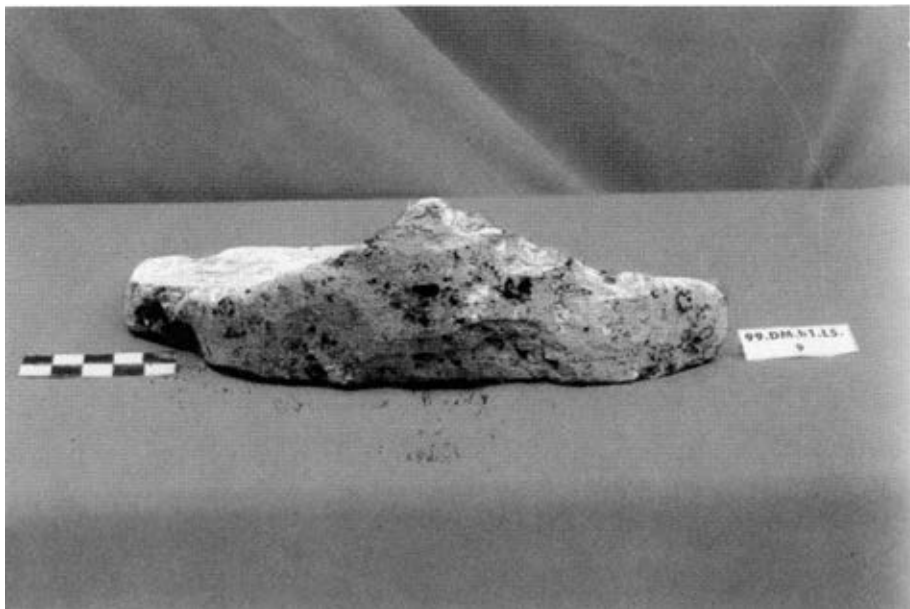
Ảnh 4: Gạch lát nền thời Trần.





Ảnh 1: Lá đề trang trí hình phượng  
thời Lý.

Ảnh 2: Ngói mũi sen thời Trần.

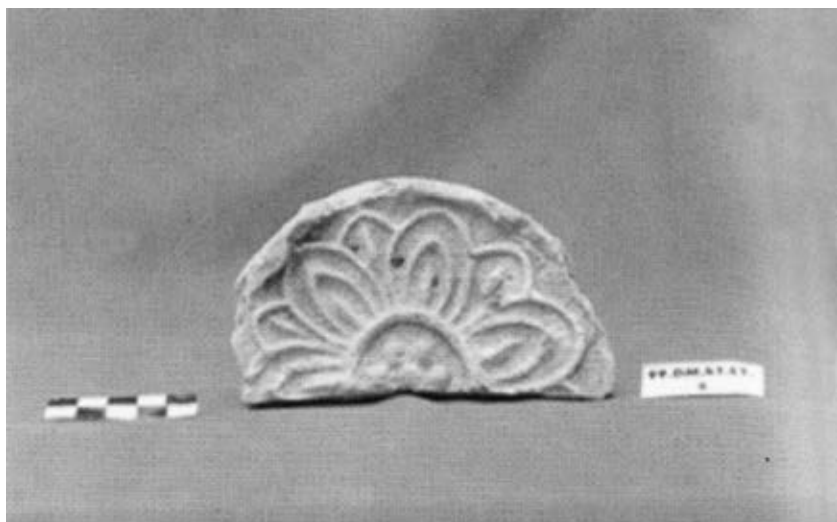




*Lá đề có hai con rồng châu thời Trần.*



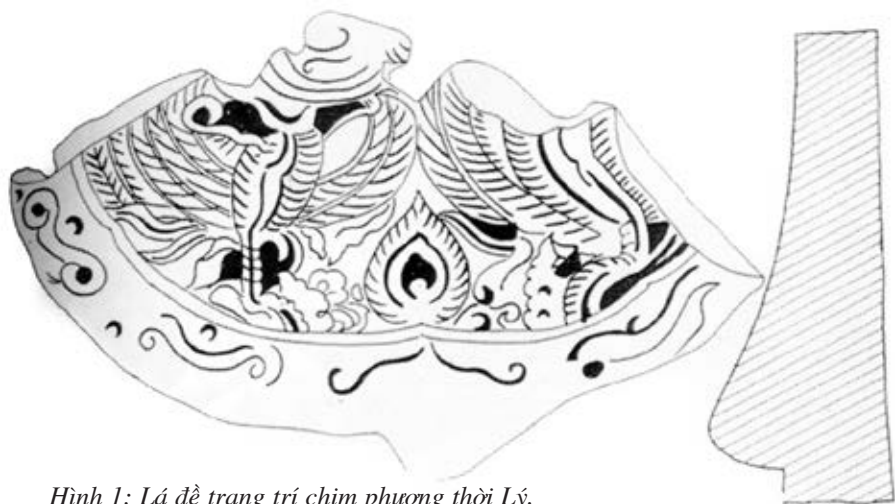
*Lá đề trang trí hoa lá thời Lý.*



*Đầu ngói ống trang trí hoa sen thời Lý.*

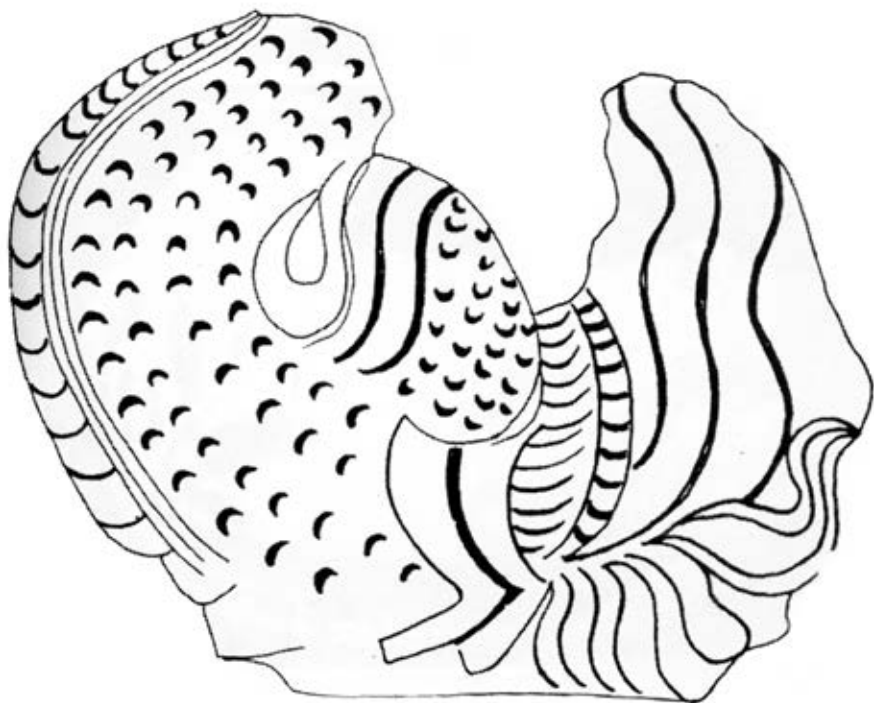


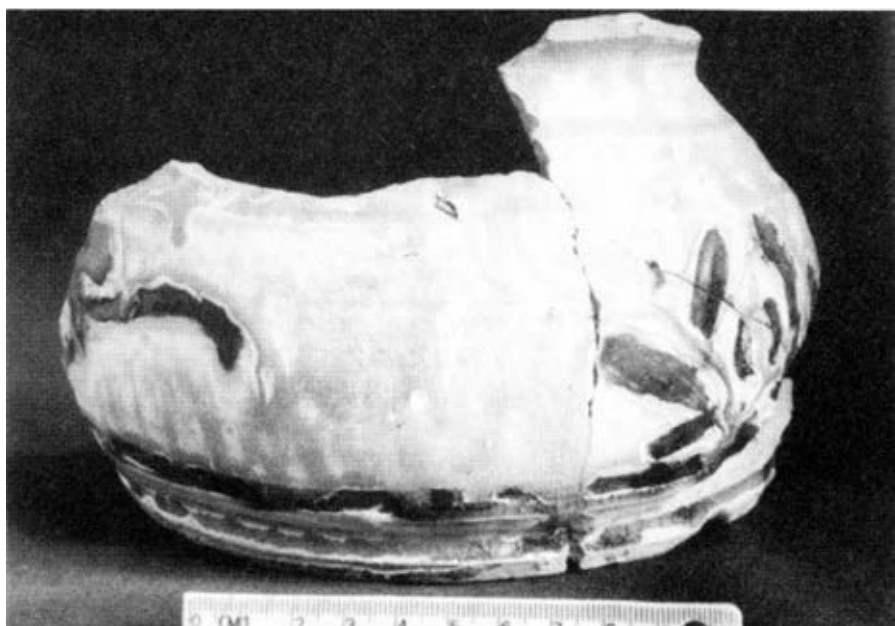
*Mảnh trang trí chim phượng thời Lý.*

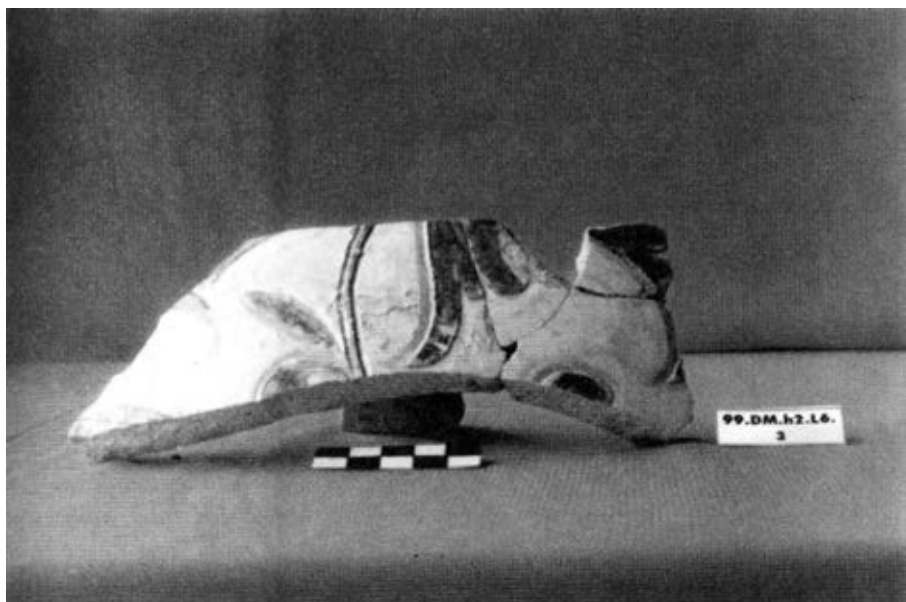


Hình 1: Lá đề trang trí chim phượng thời Lý.

Hình 2: Tượng uyên ương đất nung thời Trần.







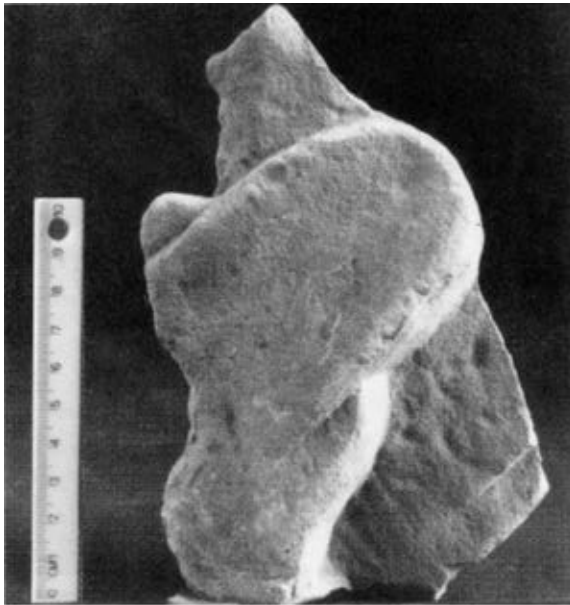
Ảnh 1: Mảnh tượng  
uyên ương thời Lý.

Ảnh 2: Mảnh lọ gốm  
hoa nâu thời Trần.

Ảnh 3: Mảnh tháp  
hoa nâu thời Trần.

Ảnh 4: Lá đề trang trí hình  
rồng đất nung thời Trần.





*Ảnh 1: Mảnh trang trí kiến trúc hình sóng nước thời Lý bằng đá sa thạch.*

*Ảnh 2: Đuôi sấu đá thời Lý.*





*Ảnh 1: Mảnh gạch hoa lát nền thời Trần.*

*Ảnh 2: Mảnh gạch hoa lát nền thời Lý.*

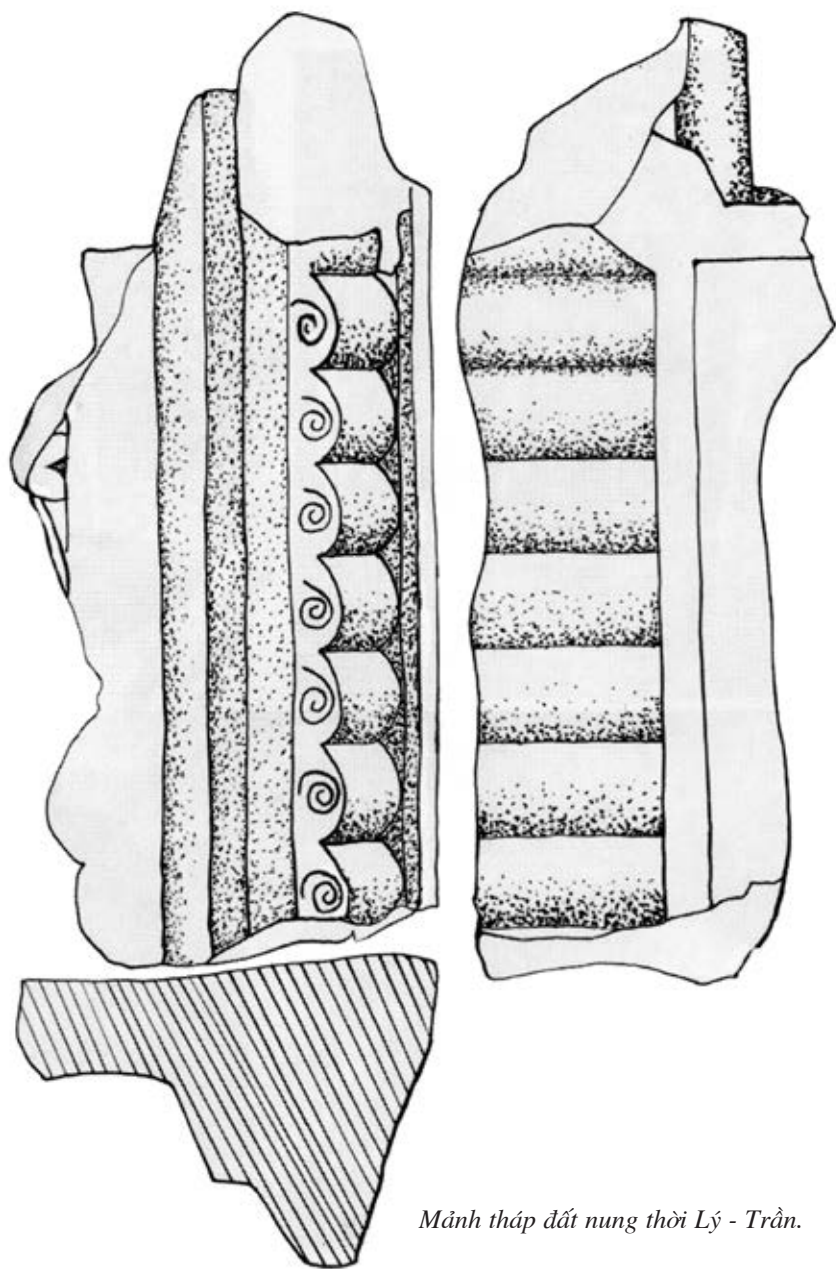




*Ảnh 1: Mảnh trang trí chìm phượng thời Trần.*

*Ảnh 2: Mảnh mô hình tháp thời Lý.*





*Mảnh tháp đất nung thời Lý - Trần.*



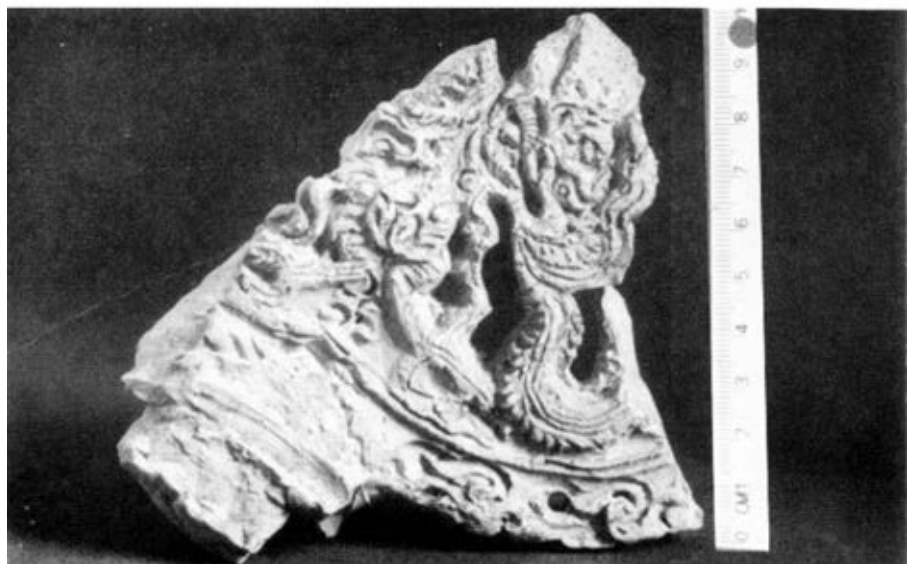
Ảnh 1: Gạch xây có chữ tìm thấy trong thành cổ Hà Nội.

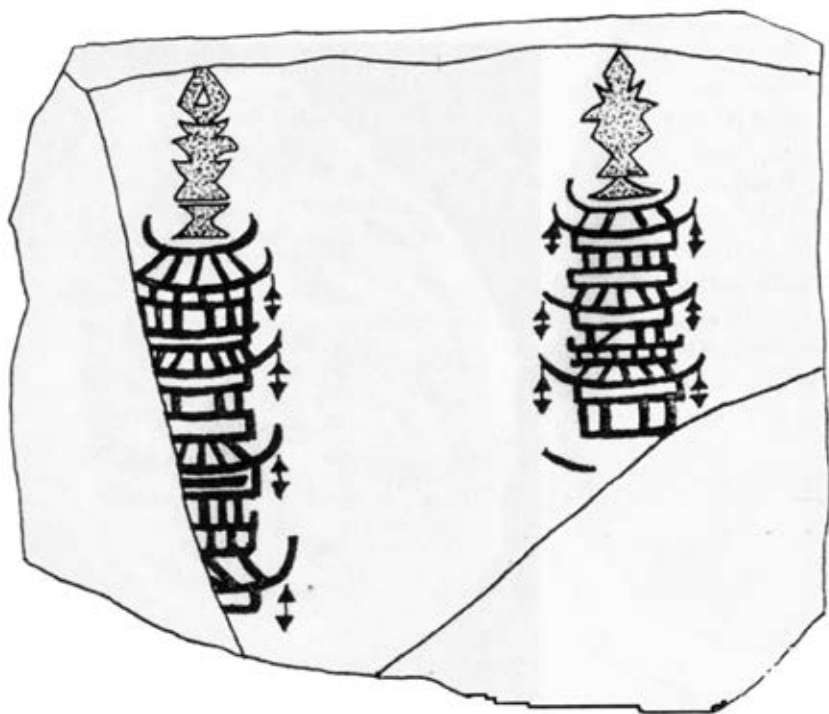
Ảnh 2: Gạch xây có chữ “Vĩnh Ninh tràng” thời Trần.

Ảnh 3: Mảnh trang trí tháp đất nung thời Lý.

Ảnh 4: Đầu ngói ống chạm hoa sen thời Lý.

Ảnh 5: Lá đề chạm rồng thời Trần.



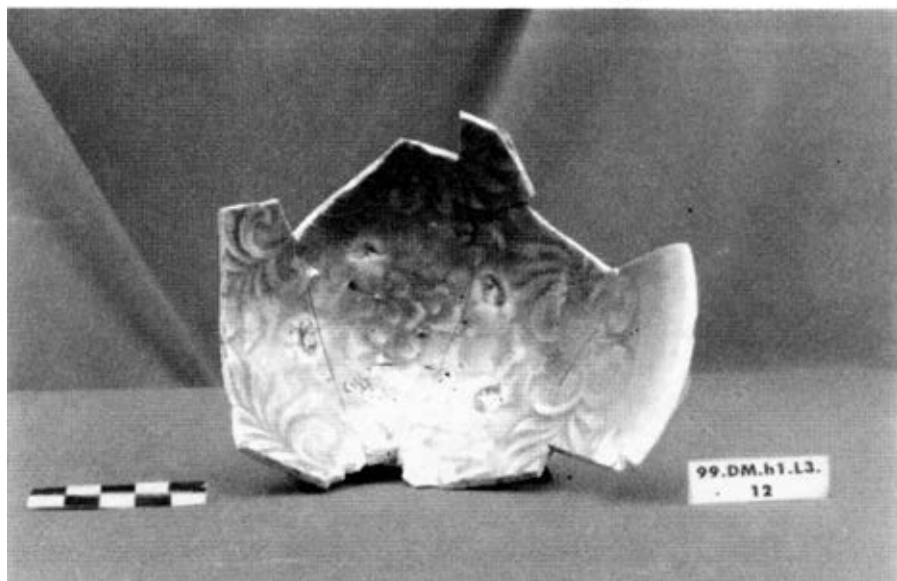
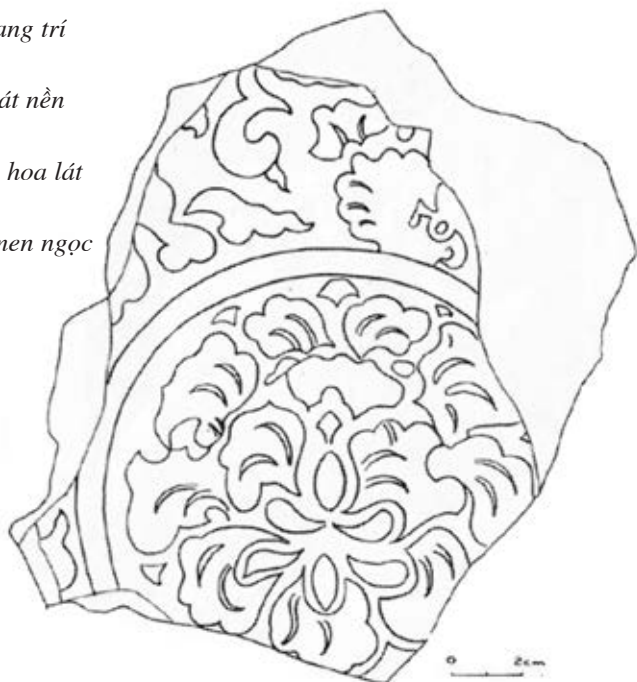


Ảnh 1: Gạch có trang trí  
hình tháp thời Lý.

Ảnh 2: Gạch hoa lát nền  
thời Trần.

Ảnh 3: Mảnh gạch hoa lát  
nền thời Trần.

Ảnh 4: Mảnh bát men ngọc  
thời Trần.





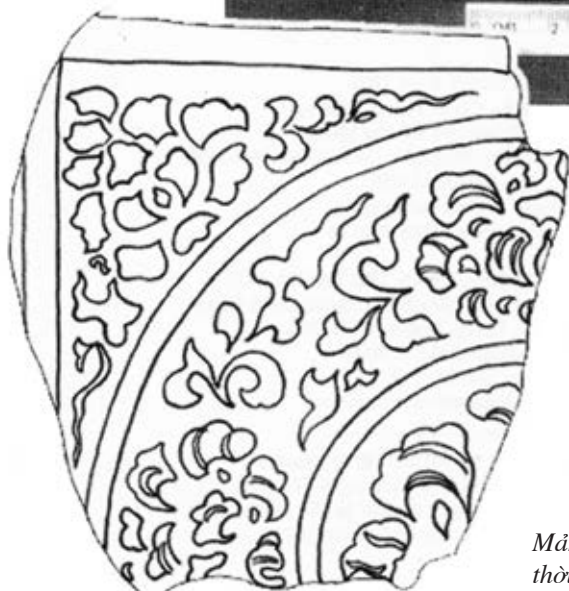
Ảnh 1: Lá đề đất nung chạm rồng thời Trần.

Ảnh 2: Lá đề có hai chim phượng châu thời Trần.





*Mảnh trang trí  
chim phượng đất nung  
thời Trần.*



*Mảnh gạch hoa lát nền  
thời Trần.*

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 21

THÀNH LẬP NHÀ TRẦN

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Tôn Nữ Quỳnh Trân *biên soạn*

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VŨ PHUONG

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 – Fax: 08 38437450

Email: [info@ybook.vn](mailto:info@ybook.vn)

Website: [www.ybook.vn](http://www.ybook.vn)



## HÌNH ẢNH MỘT SỐ CỔ VẬT THỜI NHÀ TRẦN



Chân đèn (phần dưới), hoa nâu  
Triều Trần-Lê Sơ, thế kỷ 14-15  
Thành ngoài khắc và tô màu nâu 4  
băng hoa văn: dây hình sin có tay  
xoắn, dây hoa lá, cánh sen và sóng  
nước. Viên chân đế tô nâu. Men nền  
trắng ngà.



Ấm hình voi, hoa nâu Triều Trần, thế kỷ 13-14.  
Ấm hình voi với người quân tượng, men ngà men nâu  
trang trí trên chỉ tiết xung quanh.



Gạch lát nền, đất nung Triều Trần, thế kỷ 13-14.  
Gạch hình vuông, trên một mặt chạm nổi bông  
hoa 4 cánh trong ô 8 cạnh ở giữa, xung quanh  
chạm nổi 4 nửa bông hoa.



Ấu có nắp, men nâu và lam Triều Trần, thế kỷ 13-14.  
Ấu có nắp hình lá sen, miệng uốn, chòm nắp dẹt, chân  
thẳng, men phủ bên ngoài màu đỏ nâu. Trong lòng vẽ 1  
cánh sen men lam đen dưới men trắng xanh.



Chậu gốm, hoa nâu Triều Trần-Lê Sơ, thế kỷ 14-15.  
Gờ miệng có gờ phẳng không men. Thành ngoài có một băng  
hoa nổi giữa 2 đường chỉ nổi, phía dưới khắc và tô nâu vân mạng  
mai rùa và 4 chữ Hán trong ô hình khánh. Men nền trắng ngà.



Ba ngói ống, đất nung Triều Trần, thế kỷ 13-14.  
Ba ngói ống hình trụ, dấu in nổi bông hoa sen.

